



**COVID-19**

**Cẩm Nang Pháp Lý**

**Cho Doanh Nghiệp**

# Mở Đầu

Việc bùng phát đại dịch Covid-19 trong thời gian qua đã gây ra những thiệt hại nghiêm trọng cả con người và kinh tế tại hầu hết các quốc gia trên thế giới, và Việt Nam cũng không phải ngoại lệ. Bên cạnh việc ngăn chặn dịch bệnh lây lan trong lĩnh vực y tế, việc duy trì sức chống chọi của nền kinh tế nói chung và của từng doanh nghiệp nói riêng trong và sau thời kỳ dịch bệnh cũng là một vấn đề cần lưu tâm. Chỉ nói riêng ở Việt Nam, để ngăn chặn việc lây lan của dịch bệnh, Chính Phủ Việt Nam đang có những quyết sách khá cứng rắn để ngăn chặn dịch bệnh không lây lan ra cộng đồng, bao gồm cả việc giãn cách xã hội, yêu cầu người dân hạn chế ra đường khi không cần thiết, đóng cửa các cơ sở kinh doanh dịch vụ, hàng hóa không thiết yếu... Những hành động trên của Chính Phủ hiện có thể xem là thành công trong việc ngăn chặn sự lây lan của Covid-19 tại Việt Nam, nhưng cũng đã gây ảnh hưởng lớn đến các doanh nghiệp tại Việt Nam.

Nhận thấy những tác động tiêu cực của dịch bệnh đối với nền kinh tế, cũng như thấy được sự lúng túng của các doanh nghiệp khi xử lý các vấn đề khủng hoảng phát sinh trong thời kỳ dịch bệnh, Apolat Legal phát hành “Cẩm nang pháp lý cho doanh nghiệp trong và sau mùa dịch Covid-19” này nhằm cung cấp một công cụ tham khảo về các quy định pháp lý hữu ích mà doanh nghiệp có thể áp dụng để giải quyết những khó khăn trong giai đoạn này.

Bằng việc tổng hợp các quy định pháp luật trọng yếu về các vấn đề thường phát sinh của doanh nghiệp trong giai đoạn dịch bệnh, chúng tôi tin rằng cuốn cẩm nang này sẽ là một công cụ tham khảo pháp lý hữu ích cho các doanh nghiệp lập phương án ứng phó với các tình huống có thể phát sinh trong và sau đại dịch, để có được sự chuẩn bị tốt nhất.

*\* **Tuyên bố miễn trách:** Toàn bộ tài liệu được chuẩn bị chỉ nhằm đưa ra thông tin khái quát. Thông tin trong bản tin cập nhật này không dùng cho mục đích, và không được xem là ý kiến tư vấn pháp lý. Vui lòng không thực hiện hoặc ngừng thực hiện bất kỳ công việc nào trên cơ sở các thông tin được cung cấp trong bản tin này, mà chưa tham vấn các luật sư của chúng tôi về tình trạng pháp lý và tình hình thực tế của bạn. Apolat Legal không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào xảy ra cho bất kỳ ai thực hiện hoặc ngừng thực hiện công việc của mình trên cơ sở các thông tin đưa ra trong bản tin này. Với bất kỳ vấn đề cụ thể nào, vui lòng tham khảo chuyên gia tư vấn thích hợp.*

# Mục Lục

1   Tái cấu trúc doanh nghiệp về lao động .....	1
2   Lưu ý pháp lý về việc tạm ngừng kinh doanh trong bối cảnh Covid-19 .....	5
3   Chính sách hoặc quy định mới về thuế hỗ trợ của chính phủ Việt Nam .....	9
4   Các chính sách hoặc quy định về BHXH, BHYT và BHTN hỗ trợ doanh nghiệp trong bối cảnh dịch Covid-19 .....	19
5   Chính sách tín dụng ngân hàng để hỗ trợ đời sống và kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19 .....	24
6   Sự kiện bất khả kháng: từ quy định đến thực tiễn áp dụng trong bối cảnh dịch Covid-19 .....	28
7   Bảo vệ tài sản sở hữu trí tuệ của bạn trong thời kì bùng phát dịch Covid-19 .....	34
8   Các hình thức giải quyết tranh chấp cần quan tâm trong bối cảnh Covid-19 .....	40
9   Các phương thức thu hồi nợ hiệu quả trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 .....	46
10   Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đối với các giao dịch M&A .....	52
11   Giải thể doanh nghiệp trước tác động của dịch Covid-19 .....	58
12   Phá sản doanh nghiệp trước tác động của dịch Covid-19 .....	63

# Tái cấu trúc doanh nghiệp về lao động

Đại dịch Covid-19 đã và đang tác động tiêu cực đến nền kinh tế cũng như các hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, nó không chỉ “đánh cắp” doanh thu, lợi nhuận mà còn đẩy doanh nghiệp rơi vào tình thế khó khăn khi vẫn phải trả các chi phí như tiền thuê mặt bằng, tiền vay và lãi suất ngân hàng, lương... Do đó, các doanh nghiệp cần có những chiến lược thay đổi kịp thời để tự cứu mình trước khi nhận được sự trợ giúp từ Chính phủ. Một trong các biện pháp được nhiều doanh nghiệp hướng đến là tái cấu trúc doanh nghiệp về lao động, điều này giúp doanh nghiệp tiết kiệm được một khoản chi phí khá lớn và có thể thích ứng được với những thay đổi của hoàn cảnh hiện tại. Theo đó, một số phương án nhằm tái cấu trúc về lao động có thể được chú ý như sau:

## 1. Chấm dứt Hợp Đồng Lao Động

Để chấm dứt Hợp Đồng Lao Động trước thời hạn, Doanh Nghiệp có thể thực hiện một số phương án như sau:

- Doanh Nghiệp và NLĐ cùng thoả thuận chấm dứt Hợp Đồng Lao Động: việc chấm dứt Hợp Đồng Lao Động trước thời hạn được thực hiện theo thoả thuận của các bên, tùy nội dung thương lượng mà xác định trách nhiệm của các bên khi chấm dứt như số tiền lương mà Doanh Nghiệp phải trả, thời điểm chấm dứt Hợp Đồng Lao Động... Đây là phương án hữu hiệu và an toàn về mặt pháp lý nhất cho Doanh Nghiệp, tránh được các khiếu nại, khiếu kiện sau này của NLĐ.

- Doanh Nghiệp đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Lao Động do thiên tai, hỏa hoạn hoặc những lý do bất khả kháng khác : Doanh Nghiệp cần phải chứng minh được dịch bệnh Covid-19 là một sự kiện bất khả kháng có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và Doanh Nghiệp đã tìm mọi biện pháp để khắc phục nhưng không thể được, dẫn tới quyết định đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Lao Động. Ví dụ như UBND TP. Hồ Chí Minh ra chỉ thị tạm ngưng hoạt động của các nhà hàng có công suất trên 30 người vì lý do ngăn chặn dịch bệnh Covid-19 được xem là một sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng trực tiếp tới Doanh Nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nhà hàng có công suất

trên 30 người và Doanh Nghiệp không thể nào khắc phục được, đây có thể được xem là một sự kiện bất khả kháng làm cơ sở cho Doanh Nghiệp đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Lao Động. Tuy nhiên, Doanh Nghiệp cần lưu ý thông báo cho NLĐ trước ít nhất 45 ngày đối với hợp đồng lao động không xác định thời hạn, ít nhất 30 ngày đối với hợp đồng lao động xác định thời hạn và phải trả trợ cấp thôi việc cho NLĐ.

- Chấm dứt Hợp Đồng Lao Động khi Doanh Nghiệp thay đổi cơ cấu, tổ chức lại lao động hoặc vì lý do kinh tế : tùy theo quyết định của Doanh Nghiệp để ứng phó với dịch bệnh Covid-19 hoặc sự suy thoái nền kinh tế, Doanh Nghiệp (được) có quyền tái cơ cấu lại các phòng ban, chia tách hoặc sáp nhập các phòng ban khác nhau để tinh gọn hơn. Ngoài ra, ảnh hưởng suy thoái nền kinh tế dẫn đến nhu cầu sử dụng lao động thay đổi thì Doanh Nghiệp cần phải lập phương án sử dụng lao động với sự tham gia của tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở . Trong trường hợp Doanh Nghiệp không thể giải quyết được việc làm thì mới cho NLĐ thôi việc nhưng phải trả trợ cấp mất việc làm. Tuy nhiên, việc cho thôi việc đối với nhiều NLĐ trong trường hợp này chỉ được tiến hành sau khi đã trao đổi với tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở và thông báo trước 30 ngày cho cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh . việc thông báo phải được lập thành văn bản với các nội dung chủ yếu sau: Tên, địa chỉ và người đại diện theo pháp luật của người sử dụng lao động; tổng số lao động; số lao động phải thôi việc; lý do và thời điểm cho NLĐ thôi việc; Số tiền phải chi trả trợ cấp mất việc làm.

## 2. Tạm hoãn thực hiện Hợp Đồng Lao Động

Doanh Nghiệp có thể thỏa thuận với NLĐ để tạm hoãn thực hiện Hợp Đồng Lao Động đã ký kết , khi đó Doanh Nghiệp không phải trả lương hay thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với NLĐ và ngược lại NLĐ cũng không phải thực hiện các công việc thuộc trách nhiệm của mình được ghi nhận trong Hợp Đồng Lao Động. Trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn tạm hoãn Hợp Đồng Lao Động, NLĐ phải có mặt tại nơi làm việc và Doanh Nghiệp phải nhận NLĐ trở lại làm việc với công việc trước đây, trường hợp không bố trí

được công việc cũ thì các bên thỏa thuận công việc mới và thực hiện sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng Lao Động đã giao kết hoặc giao kết hợp đồng lao động mới.

### 3. Điều chuyển NLD làm việc tại vị trí/phòng/ban khác

Vì lý do dịch bệnh làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Doanh Nghiệp được quyền tạm thời chuyển NLD làm công việc khác nhưng cần phải lưu ý:

- Thông báo trước cho NLD ít nhất 03 ngày làm việc;
- Thông báo rõ thời hạn làm tạm thời và bố trí công việc phù hợp với sức khỏe, giới tính của NLD;
- Việc điều chuyển không được quá 60 ngày làm việc cộng dồn trong một năm, trừ trường hợp được sự đồng ý của NLD;
- NLD được trả lương theo công việc mới, nếu tiền lương của công việc mới thấp hơn tiền lương công việc cũ thì được giữ nguyên mức tiền lương cũ trong thời hạn 30 ngày làm việc, tiền lương theo công việc mới ít nhất phải bằng 85% mức tiền lương công việc cũ nhưng không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.

Trường hợp Người lao động không đồng ý tạm thời làm công việc khác so với hợp đồng lao động mà phải ngừng việc thì Doanh Nghiệp phải trả lương ngừng việc cho NLD .

Liên hệ:

**Đinh Quang Long**

Luật sư thành viên

long.dinh@apolatlegal.com

**Cao Duy Khôi**

Cộng sự

khoi.cao@apolatlegal.com



# Lưu ý pháp lý về việc tạm ngừng kinh doanh trong bối cảnh Covid-19



## 1. Tạm ngừng kinh doanh là gì ?

Tạm ngừng kinh doanh là quyền của doanh nghiệp để tạm ngừng các hoạt động kinh doanh. Khi tạm ngừng kinh doanh, doanh nghiệp có nghĩa vụ phải thông báo bằng văn bản về thời điểm và thời hạn tạm ngừng kinh doanh cho Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chậm nhất 15 ngày trước ngày tạm ngừng.

Theo số liệu thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư được đăng tải trên Cổng Thông Tin Quốc Gia Về Đăng Ký Doanh Nghiệp, số lượng doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng trong ba tháng đầu năm 2019 là 15.000 doanh nghiệp. Trong khi đó, số lượng doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng trong ba tháng đầu năm 2020 là 18.721 doanh nghiệp. Có thể nói, do tác động của đại dịch Covid-19, nhiều doanh nghiệp đã lựa chọn phương án tạm ngừng kinh doanh trong giai đoạn này để giảm thiểu các chi phí trong việc quản lý doanh nghiệp.

## 2. Thời hạn tạm ngừng kinh doanh

Doanh nghiệp có thể thông báo tạm ngừng kinh doanh với thời hạn không quá một năm.

Sau khi hết thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo, nếu doanh nghiệp vẫn tiếp tục tạm ngừng kinh doanh thì phải thông báo tiếp cho Phòng Đăng ký kinh doanh. Tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp không được quá hai năm.

## 3. Các việc doanh nghiệp vẫn phải thực hiện khi tạm ngừng kinh doanh

Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, doanh nghiệp vẫn phải thực hiện:

- (i) Nộp đủ số thuế còn nợ;
- (ii) Tiếp tục thanh toán các khoản nợ;

(iii) Hoàn thành việc thực hiện hợp đồng đã ký với khách hàng và người lao động, trừ trường hợp doanh nghiệp, chủ nợ, khách hàng và người lao động có thỏa thuận khác.

#### 4. Thủ tục thông báo tạm ngừng kinh doanh

Doanh nghiệp gửi thông báo tạm ngừng kinh doanh đến đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chậm nhất 15 ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh.

Tùy thuộc vào loại hình doanh nghiệp mà doanh nghiệp sẽ gửi kèm theo thông báo tạm ngừng kinh doanh các văn bản sau:

(i) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, doanh nghiệp nộp kèm quyết định của chủ sở hữu;

(ii) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, nộp kèm: Quyết định của Hội đồng thành viên và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên;

(iii) Đối với doanh nghiệp là công ty cổ phần, nộp kèm: Quyết định của Hội đồng quản trị và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng quản trị;

(iv) Đối với công ty hợp danh, doanh nghiệp nộp kèm: Quyết định của Hội đồng thành viên và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên;

Khi thực hiện thủ tục tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp, hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp cũng sẽ được tạm ngừng.

Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc, Phòng đăng ký kinh doanh sẽ cấp Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp đã đăng ký tạm ngừng kinh doanh.

## 5. Thủ tục thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn kết thúc tạm ngừng kinh doanh

Trường hợp doanh nghiệp đã tạm ngừng kinh doanh muốn tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh chậm nhất 15 ngày trước khi tiếp tục kinh doanh.

## 6. Các vấn đề cần lưu ý liên quan đến thuế khi tạm ngừng kinh doanh

### 6.1. kê khai thuế

Doanh nghiệp trong thời gian tạm ngừng kinh doanh không phát sinh nghĩa vụ thuế thì không phải nộp hồ sơ khai thuế của thời gian tạm ngừng hoạt động kinh doanh.

### 6.2. Thuế Môn Bài

Doanh nghiệp có thời gian tạm ngừng kinh doanh trọn một năm dương lịch thì không phải nộp lệ phí môn bài của năm tạm ngừng kinh doanh.

Trường hợp doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh không trọn năm dương lịch thì vẫn phải nộp mức lệ phí môn bài cả năm.

### 6.3. Quyết Toán Thuế

Trường hợp thời gian doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh không trọn năm dương lịch hoặc năm tài chính thì vẫn phải nộp hồ sơ quyết toán thuế năm.

Liên hệ:

**Phạm Hồng Mạnh**

Luật sư thành viên

manh.pham@apolatlegal.com

**Đào Trung Thông**

Cộng sự

thong.dao@apolatlegal.com



# Chính sách hoặc quy định mới về thuế hỗ trợ của chính phủ Việt Nam

Dịch Covid-19, một từ khóa được nhắc đến hàng ngày từ đầu năm 2020, một đại dịch bệnh truyền nhiễm ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế toàn cầu và nhiều nước, Việt Nam cũng không ngoại lệ. Tình hình thực tế ở trong nước hiện nay, mặc dù đã toàn lực kiểm soát, Covid-19 vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp và tác động đến nhiều mặt của đời sống kinh tế, xã hội. Thực hiện theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ vào ngày 04 tháng 3 năm 2020 về cách ly toàn xã hội, các hoạt động xuất, nhập khẩu, giáo dục, sản xuất kinh doanh, dịch vụ bất động sản, dịch vụ ăn uống... của các doanh nghiệp và người dân đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát sự lây lan của dịch bệnh COVID -19, đảm bảo an toàn đời sống và sức khỏe của nhân dân nhưng cũng đồng thời tháo gỡ khó khăn, hạn chế thấp nhất những ảnh hưởng của dịch bệnh đối với doanh nghiệp, bảo đảm an sinh xã hội, các dự thảo chính sách hỗ trợ thuế, Bảo Hiểm Xã Hội, lãi suất Ngân Hàng cho doanh nghiệp, người dân đã được ban hành, trong đó ba loại thuế được Chính Phủ xem xét hỗ trợ cho người dân trong mùa dịch Covid-19 là thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng và tiền thuê đất.

Theo một cuộc khảo sát của Ban Nghiên Cứu Phát Triển Kinh Tế Tư Nhân (Ban IV, thuộc Hội đồng tư vấn Cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ), trong 1.200 doanh nghiệp được khảo sát, có khoảng 74% số doanh nghiệp trả lời có nguy cơ phá sản do doanh thu không thể bù đắp chi phí hoạt động, chi lương cho người lao động, chi trả tiền lãi vay ngân hàng, chi phí thuê mặt bằng cho hoạt động sản xuất kinh doanh cùng các chi phí khác nếu tình hình dịch bệnh kéo dài khoảng 06 tháng. Trước tình hình trên, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 11/CT-TTg vào ngày 04 tháng 3 năm 2020 về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19 (sau đây gọi là “Chỉ thị số 11”) để chỉ đạo các cơ quan quản lý nhà nước đưa ra các giải pháp cụ thể hỗ trợ doanh nghiệp. Theo đó, nhiệm vụ của Bộ Tài chính trong Chỉ thị số 11 là tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi về thuế cho doanh nghiệp.

Thực hiện theo Chỉ thị số 11, vào ngày 26 tháng 03 năm 2020 vừa qua Bộ Tài Chính đã trình Chính Phủ dự thảo về Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất (sau đây gọi là “Nghị định”) để quy định và hướng dẫn chi tiết hơn về vấn đề hỗ trợ doanh nghiệp trong chính sách thuế. Theo đó, nếu Nghị định được Chính phủ thông qua thì sẽ có hiệu lực ngay kể từ ngày kí ban hành mà không cần phải chờ thời gian hiệu lực thi hành để ứng phó và hỗ trợ kịp thời cho doanh nghiệp, làm giảm gánh nặng cho doanh nghiệp.

Vào ngày 08 tháng 4 năm 2020, Chính Phủ đã chính thức ban hành Nghị định số 41/2020/NĐ-CP căn theo các đề nghị của Bộ Tài Chính như đã nêu ở trên để quy định định về việc gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất. Nghị định số 41/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành ngay kể từ ngày ký ban hành là vào ngày 08 tháng 4 năm 2020. Cụ thể, Nghị định số 41/2020/NĐ-CP có nội dung như sau:

## **I. Đối tượng áp dụng:**

1. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất trong các ngành kinh tế sau:

a. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

b. Sản xuất, chế biến thực phẩm; dệt; sản xuất trang phục; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; sản xuất kim loại; gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;

c. Xây dựng

2. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động kinh doanh trong các ngành kinh tế sau:

a. Vận tải kho bãi; dịch vụ lưu trú và ăn uống; giáo dục và đào tạo; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; hoạt động kinh doanh bất động sản;

b. Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm; hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;

c. Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí; hoạt động của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hóa khác; hoạt động thể thao, vui chơi giải trí; hoạt động chiếu phim.

Danh mục ngành kinh tế nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được xác định theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

3. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; sản phẩm cơ khí trọng điểm.

Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được xác định theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ; sản phẩm cơ khí trọng điểm được xác định theo Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

4. Doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ được xác định theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 và Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

5. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện các giải pháp hỗ trợ khách hàng là doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm công bố danh sách tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tham gia hỗ trợ khách hàng để cơ quan quản lý thuế thực hiện gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP.

6. Ngành kinh tế, lĩnh vực của doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này là ngành, lĩnh vực mà doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh và phát sinh doanh thu trong năm 2019 hoặc năm 2020.

## II. Các sắc thuế được hỗ trợ

1. Thuế Giá Trị Gia Tăng (Thuế VAT) (trừ thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu:

a. Gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế giá trị gia tăng phát sinh phải nộp của kỳ tính thuế tháng 3, tháng 4, tháng 5, tháng 6 năm 2020 (đối với trường hợp kê khai thuế giá trị gia tăng theo tháng) và kỳ tính thuế quý 1, quý 2 năm 2020 (đối với trường hợp kê khai thuế giá trị gia tăng theo quý) của các doanh nghiệp, tổ chức nêu tại Điều 2 Nghị định số 41/2020/NĐ-CP. Thời gian gia hạn là 05 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Trường hợp người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế được gia hạn dẫn đến làm tăng số thuế giá trị gia tăng phải nộp và gửi đến cơ quan thuế trước khi hết thời hạn nộp thuế được gia hạn thì số thuế được gia hạn bao gồm cả số thuế phải nộp tăng thêm do khai bổ sung.



Kỳ tính thuế tháng 3 năm 2020	Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày 20 tháng 9 năm 2020
Kỳ tính thuế tháng 4 năm 2020	Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày 20 tháng 9 năm 2020
Kỳ tính thuế tháng 5 năm 2020	Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày 20 tháng 11 năm 2020
Kỳ tính thuế tháng 6 năm 2020	Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày 20 tháng 12 năm 2020
Kỳ tính thuế Quý 1 năm 2020	Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày 30 tháng 9 năm 2020
Kỳ tính thuế Quý 2 năm 2020	Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày 30 tháng 12 năm 2020

b. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức nêu tại Điều 2 Nghị định số 41/2020/NĐ-CP có các chi nhánh, đơn vị trực thuộc thực hiện khai thuế giá trị gia tăng riêng với cơ quan thuế quản lý trực tiếp của chi nhánh, đơn vị trực thuộc thì các chi nhánh, đơn vị trực thuộc cũng thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng. Trường hợp chi nhánh, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, tổ chức nêu tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị định số 41/2020/NĐ-CP không có hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc ngành kinh tế, lĩnh vực được gia hạn thì chi nhánh, đơn vị trực thuộc không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng.

## 2. Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp

Gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp theo quyết toán của kỳ tính thuế năm 2019 và số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý 1, quý 2 của kỳ tính thuế năm 2020 của doanh nghiệp, tổ chức là người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thuộc đối tượng được quy định tại Điều 2 Nghị định số 41/2020/NĐ-CP.

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức đã thực hiện nộp số thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp theo quyết toán của năm 2019 vào ngân sách nhà nước thì doanh nghiệp, tổ chức được điều chỉnh số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp để nộp cho số phải nộp của các loại thuế khác. Để thực hiện điều chỉnh, người nộp thuế lập thư tra soát (Mẫu số C1-11/NS ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính) kèm theo chứng từ nộp thuế hoặc thông tin liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh gửi cơ quan thuế.

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức nêu tại Điều 2 Nghị định số 41/2020/NĐ-CP có các chi nhánh, đơn vị trực thuộc thực hiện khai thuế thu nhập doanh nghiệp riêng với cơ quan thuế quản lý trực tiếp của chi nhánh, đơn vị trực thuộc thì các chi nhánh, đơn vị trực thuộc cũng thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp chi nhánh, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, tổ chức nêu tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị định số 41/2020/NĐ-CP không có hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc ngành kinh tế, lĩnh vực được gia hạn thì chi nhánh, đơn vị trực thuộc không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

### 3. Đối với thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh

Gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân đối với số tiền thuế phát sinh phải nộp năm 2020 của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh hoạt động trong các ngành kinh tế, lĩnh vực được nêu tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị định này. Hộ gia đình, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp số tiền thuế được gia hạn tại khoản này chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### 4. Tiền thuê đất

a. Gia hạn thời hạn nộp tiền thuê đất đối với số tiền thuê đất phải nộp kỳ đầu năm 2020 của doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định số 41/2020/NĐ-CP đang

được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định, Hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Thời gian gia hạn là 05 tháng kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2010.

b. Quy định này áp dụng cho cả trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhiều Quyết định, Hợp đồng thuê đất trực tiếp của Nhà nước và có nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh khác nhau trong đó có ngành kinh tế, lĩnh vực quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 2 Nghị định số 41/2020/NĐ-CP.

5. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh nhiều ngành kinh tế khác nhau trong đó có ngành kinh tế, lĩnh vực quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 2 Nghị định số 41/2020/NĐ-CP thì: doanh nghiệp, tổ chức được gia hạn toàn bộ số thuế giá trị gia tăng, số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp; hộ gia đình, cá nhân kinh doanh được gia hạn toàn bộ thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo hướng dẫn tại Nghị định số 41/2020/NĐ-CP.

### III. Trình tự, thủ tục đề nghị gia hạn

1. Người nộp thuế thuộc đối tượng được gia hạn gửi Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất (bằng phương thức điện tử hoặc phương thức khác) theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp một lần cho toàn bộ các kỳ của các sắc thuế và tiền thuê đất được gia hạn cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế theo tháng (hoặc theo quý) theo quy định pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất không nộp cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế tháng (hoặc theo quý) thì thời hạn nộp chậm nhất là ngày 30 tháng 7 năm 2020, cơ quan quản lý thuế vẫn thực hiện gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất của các kỳ phát sinh được gia hạn trước thời điểm nộp Giấy đề nghị gia hạn.

Trường hợp người nộp thuế được nhà nước cho thuê đất tại nhiều địa bàn khác nhau thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế có

trách nhiệm sao gửi Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất cho cơ quan thuế nơi có đất thuê.

2. Người nộp thuế tự xác định và chịu trách nhiệm về việc đề nghị gia hạn đảm bảo đúng đối tượng được gia hạn theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP. Nếu người nộp thuế gửi Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất cho cơ quan thuế sau ngày 30 tháng 7 năm 2020 thì không được gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định số 41/2020/NĐ-CP.

3. Cơ quan thuế không phải thông báo cho người nộp thuế về việc chấp nhận gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất. Trường hợp trong thời gian gia hạn, cơ quan thuế có cơ sở xác định người nộp thuế không thuộc đối tượng gia hạn thì cơ quan thuế có văn bản thông báo cho người nộp thuế về việc dừng gia hạn và người nộp thuế phải nộp đủ số tiền thuế, tiền thuê đất và tiền chậm nộp trong khoảng thời gian đã thực hiện gia hạn vào ngân sách nhà nước. Trường hợp sau khi hết thời gian gia hạn, cơ quan thuế phát hiện qua thanh tra, kiểm tra người nộp thuế không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định số 41/2020/NĐ-CP thì người nộp thuế phải nộp số tiền thuế còn thiếu, tiền phạt và tiền chậm nộp do cơ quan thuế xác định lại vào ngân sách nhà nước.

4. Trong thời gian được gia hạn nộp thuế, căn cứ Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất, cơ quan thuế không tính tiền chậm nộp đối với số tiền thuế, tiền thuê đất được gia hạn (bao gồm cả trường hợp Giấy đề nghị gia hạn gửi cơ quan thuế sau khi đã nộp hồ sơ khai thuế theo tháng (hoặc theo quý) chậm nhất là ngày 30 tháng 7 năm 2020).

#### **IV. Lưu ý cho những đối tượng không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định 41/2020/NĐ-CP**

1. Ngoài các đối tượng áp dụng của Nghị định số 41/2020/NĐ-CP được nêu ở trên thì nếu gặp khó khăn hoặc thiệt hại do ảnh hưởng của dịch bệnh thì có thể căn cứ vào quy định pháp luật của hiện hành về pháp



pháp luật thuế để áp dụng phù hợp cho trường hợp cụ thể của mình.

2. Một văn bản khác mà các Doanh nghiệp có thể tham khảo để áp dụng cho trường hợp doanh nghiệp của mình là Công văn số 897/TCT/QLN của Tổng Cục Thuế về việc hướng dẫn việc gia hạn nộp thuế, miễn tiền chậm nộp do ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 ban hành ngày 03/03/2020.

Liên hệ:

**Phạm Hồng Mạnh**

Luật sư thành viên

[manh.pham@apolatlegal.com](mailto:manh.pham@apolatlegal.com)

**Trần Thị Ngọc Hòa**

Cộng sự

[hoa.tran@apolatlegal.com](mailto:hoa.tran@apolatlegal.com)

# Các chính sách hoặc quy định về BHXH, BHYT và BHTN hỗ trợ doanh nghiệp trong bối cảnh Covid-19



Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 hiện nay, hàng loạt doanh nghiệp Việt Nam đã lựa chọn các phương án xử lý khác nhau như: (i) thỏa thuận với NLĐ về việc tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động (“HĐLĐ”) theo khoản 5, Điều 32, Bộ luật lao động 2012 (“Bộ Luật Lao Động”), (ii) tạm ngừng công việc của NLĐ do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm theo khoản 3, Điều 98 Bộ Luật Lao Động, (iii) tạm thời chuyển NLĐ làm công việc khác so với HĐLĐ theo quy định tại Điều 31 Bộ Luật Lao Động, (iv) NSDLĐ phải thu hẹp sản xuất, giảm chỗ làm việc do ảnh hưởng bởi những lý do bất khả kháng theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 38 Bộ Luật Lao Động, (v) cho NLĐ nghỉ việc do thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế theo Điều 44 Bộ Luật Lao Động. Tùy thuộc vào từng chính sách cụ thể mà doanh nghiệp sẽ bắt buộc phải tuân theo các quy định về chế độ Bảo hiểm xã hội (“BHXH”), Bảo hiểm y tế (“BHYT”), Bảo hiểm thất nghiệp (“BHTN”) trong các trường hợp ngừng việc, không đủ khả năng chi trả bảo hiểm như sau:

(1) Trường hợp 1: Đối với các trường hợp doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động dẫn đến không phải đóng BHXH cho NLĐ

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội 2014 (“Luật BHXH”), Người lao động (“NLĐ”) không làm việc và không hưởng tiền lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì người sử dụng lao động (“NSDLĐ”) và cả NLĐ không phải đóng BHXH của tháng đó, đồng thời, thời gian này không được tính để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội. Theo đó, nếu NLĐ có thời gian không làm việc trong một tháng dưới 14 ngày làm việc thì NSDLĐ và NLĐ bắt buộc phải đóng BHXH cho NLĐ. Trong trường hợp này, pháp luật chỉ quy định về việc đóng BHXH mà chưa quy định cụ thể có bao gồm BHYT và BHTN hay không. Do đó, chưa có cơ sở chắc chắn nào cho rằng NSDLĐ không tham gia BHYT và BHTN cho NLĐ khi NLĐ không làm việc và không hưởng tiền lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng. NSDLĐ cần có công văn yêu cầu chuyên viên quản thu BHXH nơi NSDLĐ đặt trụ sở chính giải đáp cụ thể từng trường hợp. Được biết rằng, tỷ lệ tham gia BHYT hiện nay là 4.5% (trong đó, NSDLĐ đóng 3%), BHTN 2% (trong đó, NSDLĐ đóng 1%).

Bên cạnh đó, NLD nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng theo quy định của pháp luật về BHXH thì không đóng BHXH, BHYT, BHTN nhưng NLD vẫn được hưởng quyền lợi BHYT. Theo hướng dẫn tại Công văn số 422/BHXH-CSXH của Bảo hiểm xã hội Việt Nam thì theo Điều 25 Luật BHXH về điều kiện hưởng chế độ ốm đau đối với NLD đang tham gia BHXH thì NLD bị ốm đau, tai nạn mà không phải là tai nạn lao động phải nghỉ việc và có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y Tế. Như vậy, đối với NLD bị cách ly y tế mà không bị mắc bệnh không phải là trường hợp ốm đau và không phải điều trị nhưng bị bắt buộc nghỉ việc để phòng dịch dịch thì quyền lợi về BHXH cũng bị ảnh hưởng. Mặc dù vậy, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội chưa có chính sách cụ thể, do đó, NLD bị cách ly y tế để phòng dịch theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền không được hưởng chế độ ốm đau theo quy định trong thời gian cách ly y tế. Vì vậy, NSDLĐ không phải kê khai, làm thủ tục hưởng chế độ ốm đau cho NLD trong trường hợp này.

Bên cạnh đó, trong trường hợp NSDLĐ gặp khó khăn phải tạm dừng sản xuất, kinh doanh dẫn đến việc NLD và NSDLĐ không có khả năng đóng BHXH thì được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất trong thời hạn không quá 12 tháng khi thuộc các trường hợp sau: (\*) Không bố trí được việc làm cho NLD, trong đó số NLD thuộc diện tham gia BHXH phải tạm thời nghỉ việc từ 50% tổng số NLD có mặt trước khi tạm dừng sản xuất, kinh doanh trở lên, hoặc (\*\*) Bị thiệt hại trên 50% tổng giá trị tài sản do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, mất mùa gây ra (không kể giá trị tài sản là đất). Lưu ý, trong trường hợp này, NSDLĐ vẫn phải đóng vào quỹ ốm đau và thai sản, quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, quỹ BHYT, quỹ BHTN.

Trường hợp không thuộc trường hợp đóng BHXH hoặc được hưởng các ưu đãi về BHXH (quỹ hưu trí và tử tuất) nêu trên, NSDLĐ phải nộp hồ sơ tạm dừng đóng BHXH đến cơ quan BHXH cấp quận để đề nghị tạm dừng đóng BHXH. Đồng thời, trong thời gian không kê khai BHXH cho NLD này, NSDLĐ phải thông báo điều chỉnh báo giảm lao động tham gia



đóng BHXH từ thời gian NLĐ không tham gia làm việc theo hình thức nghỉ việc không hưởng lương và tạm hoãn thực hiện hợp đồng và đăng ký tăng lao động tham gia BHXH khi nhận NLĐ làm việc trở lại.

(2) Trường hợp 2: Đối với các trường hợp doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động nhưng vẫn phải đóng BHXH cho NLĐ

Theo quy định của Luật BHXH và Công văn số 4064/LĐTĐ-BHXH-QH/LĐTĐ của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành ngày 25 tháng 03 năm 2020 về việc hướng dẫn trả lương ngừng việc và giải quyết chế độ cho NLĐ trong thời gian ngừng việc liên quan đến dịch bệnh Covid-19. Đối với trường hợp NLĐ phải ngừng việc do tác động trực tiếp của dịch Covid-19 như: (i) lao động là người nước ngoài trong thời gian chưa được quay trở lại doanh nghiệp làm việc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; (ii) NLĐ phải ngừng việc trong thời gian thực hiện cách ly theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; (iii) NLĐ phải ngừng việc do doanh nghiệp hoặc bộ phận doanh nghiệp không hoạt động được vì NSDLĐ hoặc những NLĐ khác cùng doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp đó đang trong thời gian phải cách ly hoặc chưa được quay trở lại doanh nghiệp làm việc thì tiền lương của NLĐ trong thời gian ngừng việc do các nguyên nhân khách quan như dịch bệnh nguy hiểm (dịch bệnh covid-19) này sẽ do NSDLĐ và NLĐ thỏa thuận nhưng không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định. (Thành phố Hồ Chí Minh hiện thuộc Vùng 1 với mức lương vùng tối thiểu là 4.420.000 đồng/tháng, mức lương thấp nhất đối với NLĐ đã qua đào tạo chuyên môn phải cao hơn mức lương tối thiểu vùng 7%).

NLĐ ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động và quyết định của NSDLĐ mà vẫn được hưởng tiền lương như trên thì NLĐ và NSDLĐ phải thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN theo mức tiền lương NLĐ được hưởng trong thời gian ngừng việc. Trường hợp này, NSDLĐ phải thực hiện thông báo điều chỉnh mức đóng lương đóng BHXH, BHYT, BHTN đối với cơ quan quản lý bảo hiểm xã hội có thẩm quyền từ mức đóng hiện tại xuống mức lương theo thỏa thuận.

(3) Trường hợp 3: Đối với trường hợp doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất kinh doanh dẫn đến phải giảm từ 50% NLĐ

Mới đây nhất, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 10 tháng 04 năm 2020 về các biện pháp hỗ trợ trực tiếp cho người dân gặp khó khăn do Covid-19. Theo đó, tại Mục III Nghị quyết của Chính phủ cũng nêu rõ:

Trong trường hợp NSDLĐ bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19 dẫn đến phải cắt giảm từ 50% NLĐ tham gia BHXH trở lên tính từ thời điểm Cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố dịch bệnh, trong đó có cả NLĐ ngừng việc, tạm hoãn thực hiện HĐLĐ, thỏa thuận nghỉ không hưởng lương (như Trường hợp 2 nêu trên) thì NLĐ và NSDLĐ sẽ được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất tối đa không quá 12 tháng. Hồ sơ và thủ tục thực hiện tương tự phân tích tại Mục (1).

Bên cạnh đó, Nghị quyết còn thông qua việc cho phép NLĐ được gửi hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp thông qua đường Bưu điện, Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hàng tháng được thực hiện dưới hình thức gián tiếp như gửi thư điện tử, fax, qua đường bưu điện, ... trong thời gian từ ngày 01 tháng 04 năm 2020 đến khi công bố hết dịch mà không phải xin xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn về việc xảy ra dịch bệnh trên địa bàn.

Mặc dù những quy định chung được đề cập ở trên, doanh nghiệp nên lưu ý rằng, tất cả các chính sách liên quan đến BHXH, BHYT, BHTN được thực hiện ở mỗi địa phương là khác nhau để phù hợp với tình hình dân sinh tại địa phương cụ thể. Do đó, để đảm bảo thực hiện đúng thủ tục và tiết kiệm thời gian, doanh nghiệp nên tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý về BHXH hoặc Phòng/Sở Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý trực tiếp để có thêm thông tin chi tiết thực hiện.

Liên hệ:

**Phạm Hồng Mạnh**

Luật sư thành viên

manh.pham@apolatlegal.com

**Nguyễn Thị Trà My**

Cộng sự

my.nguyen@apolatlegal.com

# Chính sách tín dụng ngân hàng để hỗ trợ đời sống và kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19

//

*Hiện nay, tình hình dịch bệnh đang diễn ra vô cùng phức tạp đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Hiển nhiên, các doanh nghiệp của Việt Nam cũng không ngoại lệ, nhiều doanh nghiệp bị đóng cửa, doanh thu giảm sút trầm trọng. Vì vậy, chính sách hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp đang là vấn đề vô cùng thiết yếu và cần được triển khai kịp thời.*

*Ngay từ giai đoạn dịch bệnh chưa ảnh hưởng nặng nề như hiện nay, Thủ tướng đã có Chỉ thị 11/CT-TTg ngày 04 tháng 03 năm 2020 về nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19. Theo đó, Chính phủ giao cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo các tổ chức tín dụng cân đối, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xét duyệt hồ sơ vay vốn, nâng cao khả năng tiếp cận vốn vay của khách hàng; kịp thời áp dụng các biện pháp hỗ trợ như cơ cấu lại thời hạn trả nợ, xem xét miễn giảm lãi vay, giữ nguyên nhóm nợ, giảm phí... đối với doanh nghiệp gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 (trước hết là gói hỗ trợ tín dụng khoảng 250 nghìn tỷ đồng). Đây không phải gói tín dụng sử dụng vốn ưu đãi từ ngân sách nhà nước mà do các ngân hàng thương mại tự cân đối nhằm cung ứng đủ vốn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong các lĩnh vực đang bị ảnh hưởng từ*

*dịch bệnh, với gói hỗ trợ doanh nghiệp vay tín dụng với mức lãi suất thấp.*

*Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước cũng đã ban hành các quyết định giảm hàng loạt lãi suất điều hành kể từ ngày 17 tháng 03 năm 2020, trong đó lãi suất trần cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng giảm chỉ còn 5,5%/năm; lãi suất tái cấp vốn giảm còn 5%/năm và tái chiết khấu chỉ còn 3,5%/năm... để hỗ trợ mạnh mẽ, góp phần tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, ứng phó với dịch Covid-19.*

Vào ngày 13 tháng 3 năm 2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư số 01/2020/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid – 19 (“Thông tư 01/2020”), có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 03 năm 2020, theo đó:

a. Doanh nghiệp được cơ cấu lại thời hạn trả nợ

Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ là số dư nợ gốc và/hoặc lãi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

(i) Phát sinh từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính;

(ii) Phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23 tháng 01 năm 2020 đến ngày liền kề sau 03 tháng kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch Covid - 19;

(iii) Doanh nghiệp không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay, cho thuê tài chính đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid -19.

Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

(i) Số dư nợ còn trong hạn hoặc quá hạn đến 10 (mười) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, thời hạn trả nợ theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay, cho thuê tài chính đã ký;

(ii) Số dư nợ đã quá hạn (trừ trường hợp quy định tại điểm (i) bên trên) trong khoảng thời gian từ ngày 23 tháng 01 năm 2020 đến ngày 29 tháng 03 năm 2020.

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp và đánh giá của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi của doanh nghiệp sau khi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, phù hợp mức độ ảnh hưởng của dịch Covid - 19 và đảm bảo các yêu cầu sau đây:

(i) Không thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khoản nợ vi phạm quy định pháp luật;

(ii) Thời gian cơ cấu lại trong trường hợp kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ không vượt quá 12 tháng kể từ ngày cuối cùng của thời hạn cho vay, cho thuê tài chính (thời điểm doanh nghiệp phải trả hết toàn bộ nợ gốc và lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay, cho thuê tài chính đã ký).

## **b. Doanh nghiệp được miễn, giảm lãi, phí**

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quyết định việc miễn, giảm lãi, phí theo quy định nội bộ đối với số dư nợ phát sinh từ hoạt động cấp tín dụng (trừ hoạt động mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp) mà nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi đến hạn thanh toán trong khoảng thời gian từ ngày 23 tháng 01 năm 2020 đến ngày liền kề sau 03 tháng kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch Covid-19 và doanh nghiệp không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19.

---

Doanh nghiệp được giữ nguyên nhóm nợ.

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm gần nhất trước ngày 23 tháng 01 năm 2020 đối với số dư nợ sau đây, mà không được áp dụng nguyên tắc điều chỉnh vào nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn.:

(i) Số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ;

(ii) Số dư nợ được miễn, giảm lãi;

(iii) Số dư nợ quy định tại điểm (i), (ii) bên trên bao gồm cả phần dư nợ đã cơ cấu lại thời hạn nợ, miễn, giảm lãi và điều chỉnh nhóm nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong khoảng thời gian từ ngày 23 tháng 01 năm 2020 đến ngày 29 tháng 03 năm 2020.

Do đó, việc xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ với doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi Covid - 19 là điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi không bị chuyển thành nợ xấu. Từ đó, doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận các chính sách tín dụng tốt hơn với lãi suất cạnh tranh và giảm chi phí vốn vay do không có lịch sử tín dụng xấu trong hoạt động với ngân hàng, tạo điều kiện phục hồi sản xuất kinh doanh.

Liên hệ:

**Lê Tiến Đạt**


Luật sư điều hành

dat.le@apolatlegal.com

**Lê Thị Anh Thư**

Cộng sự

thu.le@apolatlegal.com



***“Sự kiện bất  
khả kháng: từ  
quy định đến  
thực tiễn áp  
dụng trong bối  
cảnh dịch  
Covid-19”***

Dịch bệnh ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện hợp đồng của một bên/một công ty. Thuật ngữ “các sự kiện bất khả kháng” được các bên trong hợp đồng dẫn chiếu đến để miễn trừ nghĩa vụ, nhằm hạn chế các thiệt hại tiềm tàng mà họ phải chịu. Tuy nhiên, việc thực hiện thuật ngữ trong thực tiễn pháp lý vẫn là một vấn đề khó khăn ngay cả đối với các luật sư có kinh nghiệm.

Điều khoản sự kiện bất khả kháng được quy định như thế nào?

Theo Điều 156.1 của Bộ luật Dân sự 2015, sự kiện bất khả kháng là tình huống xảy ra ngoài tầm kiểm soát hợp lý của bất kỳ bên nào trong một giao dịch và không thể đoán trước. Hậu quả của nó là không thể khắc phục mặc dù tất cả các biện pháp cho phép và cần thiết đều được áp dụng. Theo đó, có ba điều kiện mà một sự kiện bất khả kháng cần đáp ứng để được xem là sự kiện bất khả kháng:

(i) Sự kiện đó phải diễn ra khách quan;

(ii) Sự kiện đó là không thể lường trước được; và

(iii) Toàn bộ các biện pháp khắc phục trong khả năng cho phép và cần thiết được áp dụng nhưng không thể khắc phục thiệt hại

Nhìn chung, điều khoản bất khả kháng được để mở cho các bên tự đàm phán thay vì được quy định chi tiết. Do đó, việc giải thích và áp dụng quy tắc này phụ thuộc chủ yếu vào từng trường hợp cụ thể của hợp đồng, và trên cơ sở thiện chí và tin tưởng nhau.

Điều kiện 1: Sự kiện phải diễn ra một cách khách quan

Bộ luật Dân sự 2015 không cung cấp các tiêu chí để xác định một sự kiện là khách quan. Theo cách hiểu thông thường, một sự kiện xảy ra một cách khách quan nếu nó xảy ra mà không phải do ý định của bất kỳ bên liên quan nào trong hợp đồng.



Nói cách khác, các bên trong hợp đồng không cố tình tạo ra sự kiện đó hoặc để nó xảy ra. Rõ ràng, những điều nằm ngoài ý muốn chủ quan của một người rất đa dạng và phong phú, các nhà lập pháp không thể chỉ định các tiêu chí để định hình một sự kiện khách quan sẽ như thế nào.

Điều kiện 2: Sự kiện đó là không thể lường trước được

Tương tự như Điều kiện 1, Bộ luật Dân sự 2015 không quy định các tiêu chí cụ thể để quyết định xem một sự kiện là không lường trước được. Theo cách hiểu thông thường, một sự kiện không lường trước có thể được giải thích rằng nó không thể được dự đoán bởi bất kỳ bên nào trong khả năng của họ.

Vấn đề là làm thế nào để đánh giá khả năng của các bên tham gia hợp đồng trong việc thấy trước một sự kiện có thể xảy ra trong tương lai. Để khách quan và hợp lý, đa số các luật sư đồng ý rằng việc đánh giá phải dựa trên một thực tế rằng liệu một người bình thường trong tình huống tương tự có thể dự đoán được sự kiện như vậy hay không. Điều này có nghĩa, nếu một cá nhân bình thường trong cùng bối cảnh hợp đồng có thể thấy trước sự kiện, các bên trong hợp đồng không được phép áp dụng điều khoản bất khả kháng để miễn trừ nghĩa vụ của họ.

Một vấn đề quan trọng không kém là thời gian hợp lý mà các bên phải lường trước sự xuất hiện của một sự kiện có thể cản trở việc thực hiện hợp đồng của họ. Rõ ràng, các cam đoan và bảo đảm của các bên được đưa ra dựa trên các yếu tố khách quan, điều kiện và bối cảnh tại thời điểm hợp đồng được ký kết. Vì vậy, bất kỳ tình huống không lường trước tại thời điểm đó sẽ được chấp nhận là một sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên, nếu một sự kiện không thể dự báo tại thời điểm giao kết hợp đồng, nhưng có thể dự đoán được trong quá trình thực hiện hợp đồng, thì sự kiện đó sẽ không được coi là bất khả kháng.

Điều kiện 3: Toàn bộ các biện pháp khắc phục trong khả năng cho phép và cần thiết được áp dụng nhưng không thể khắc phục thiệt hại

Trong trường hợp bất khả kháng, các bên tham gia hợp đồng được yêu cầu khắc phục hậu quả bằng tất cả các biện pháp cần thiết và có thể chấp nhận được. Điều kiện này phù hợp với nguyên tắc thiện chí và trung thực trong nỗ lực thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận, là nguyên tắc thông thường trong quy tắc hợp đồng.

Luật pháp Việt Nam một lần nữa cho phép các bên tự do thảo luận và thống nhất về mức độ mà các biện pháp đó được xem là phù hợp. Tuy nhiên, theo hầu hết các chuyên gia pháp lý, các biện pháp khắc phục không nên được xem xét thuần túy trên quan điểm kinh tế. Điều này có nghĩa là các yếu tố khác cần được xem xét bổ sung như kinh nghiệm, nhân sự và các cơ sở vật chất có sẵn khác có thể được sử dụng để khắc phục.

### **Hệ quả pháp lý của sự kiện bất khả kháng là gì?**

Điều 584.2 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định rằng các bên vi phạm, trong trường hợp bất khả kháng, không bắt buộc phải bồi thường cho các bên bị thiệt hại. Tuy nhiên, luật pháp không đề cập đến việc miễn trừ các loại nghĩa vụ khác như phạt tiền, trả lãi hoặc buộc phải tuân thủ hợp đồng. Ngược lại, Điều 294.1.b của Luật Thương mại năm 2005 quy định rằng các bên vi phạm được miễn các nghĩa vụ hợp đồng trong trường hợp hợp bất khả kháng. Có thể thấy, quy định này không giới hạn các loại nghĩa vụ được miễn trừ, do đó, nó có thể được hiểu là tất cả các nghĩa vụ theo hợp đồng đều được giải trừ. Trong thực tế, trước khi ký kết hợp đồng, các bên tham gia hợp đồng có thể thỏa thuận rõ ràng về các nghĩa vụ cụ thể có thể được miễn trừ trong trường hợp bất khả kháng, và điều này hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc tự do giao kết hợp đồng.

Nhìn chung, có các dạng miễn trừ trách nhiệm sau:

- (I) Miễn trừ bồi thường thiệt hại và/hoặc phạt hợp đồng;
- (ii) Kéo dài thời hạn thanh toán hoặc thực hiện;

- (III) Tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ như chuyển giao, lưu trữ, v.v;
- (iv) Miễn trừ các nghĩa vụ do chậm hoặc không thực hiện hợp đồng;
- (v) Chấm dứt hợp đồng;
- (vi) Thương lượng lại về các điều khoản và điều kiện của hợp đồng.

### Dịch Covid-19 có phải sự kiện bất khả kháng không?

Đại dịch COVID-19 và lệnh của các cơ quan Nhà nước tạm thời phong tỏa và đình chỉ hầu hết các hoạt động trên toàn quốc có thể được xem là những sự kiện bất khả kháng. Sự xuất hiện của dịch bệnh nằm ngoài ý định của bất kỳ ai (Điều kiện 1) và sự lan rộng của nó, cũng như các tác động bất lợi, là không lường trước được (Điều kiện 2). Việc chữa trị cho Covid-19 chắc chắn vượt quá khả năng của các bên tham gia hợp đồng và mệnh lệnh của các cơ quan chính phủ là bắt buộc mà họ có thể làm khác đi (Điều kiện 3).

### Có phải tất cả hợp đồng và nghĩa vụ đều được áp dụng các biện pháp miễn trừ?

Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, không phải tất cả các hợp đồng và nghĩa vụ đều có thể được miễn trừ. Như đã phân tích ở trên, dường như chỉ có các hợp đồng được ký trước ngày 1 tháng 2 năm 2020, ngày mà Thủ tướng chính thức tuyên bố khẩn cấp về sự bùng phát của COVID-19, có thể được chấp nhận áp dụng điều khoản bất khả kháng. Các thỏa thuận được ký kết sau đó khó có thể được xem xét tương tự vì nó vi phạm điều kiện không lường trước được của một sự kiện bất khả kháng. Bất kỳ cá nhân nào cũng phải nhận thức được sự nghiêm trọng và tác động của tuyên bố của Thủ tướng.

Hơn nữa, không phải tất cả các hoạt động đều bị tạm ngưng. Dịch vụ ngân hàng và cung ứng nhu yếu phẩm được phép duy trì hoạt động để

phục vụ cư dân. Do đó, các nghĩa vụ không bị ảnh hưởng đáng kể như thanh toán, trả nợ, cung cấp nhu yếu phẩm, v.v. không thể được miễn hoặc trì hoãn quá lâu.

## **Kết luận và đề xuất cho doanh nghiệp**

*Sau cùng, việc thực hiện điều khoản bất khả kháng chủ yếu phụ thuộc vào sự thương lượng và đồng thuận của các bên tham gia hợp đồng trên cơ sở bối cảnh của từng giao dịch cụ thể. Phân tích ở đây chỉ dựa trên lý thuyết và quan điểm chung, và chỉ nên được dẫn chiếu để có cơ sở đánh giá hợp lý.*

*Doanh nghiệp có thể tham khảo và thực hiện các công việc sau:*

*(i) Rà soát các hợp đồng đang được tiến hành để tìm ra những hợp đồng nào có thể áp dụng các điều khoản bất khả kháng để tạm hoãn các nghĩa vụ không thể thực hiện tại thời điểm này.*

*(ii) Xem kỹ yêu cầu về hình thức và thời hạn thông báo về các sự kiện bất khả kháng cũng như tạm hoãn thực hiện hợp đồng.*

*(iii) Chuẩn bị bằng chứng để chứng minh việc đình chỉ nghĩa vụ hoặc chấm dứt hợp đồng là có cơ sở thực tế và hợp lý.*

*(iv) Liên hệ với các đối tác hoặc khách hàng để đàm phán về các nghĩa vụ sắp tới hạn và đưa ra các giải pháp phù hợp cho cả hai bên.*

Liên hệ:

### **Lê Tiến Đạt**

Luật sư điều hành

dat.le@apolatlegal.com

### **Trần Châu Hoài Hận**

Cộng sự

han.tran@apolatlegal.com

### **Nguyễn Vũ Hoàng Long**

Cộng sự

long.nguyen@apolatlegal.com

***B**ảo vệ tài sản sở hữu trí tuệ  
của bạn trong thời kỳ bùng  
phát của dịch Covid-19*

Sự bùng phát của đại dịch gây ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của các tổ chức trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ (SHTT) như hệ thống tòa án và các cơ quan SHTT trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Do đó, người nộp đơn muốn đăng ký hoặc gia hạn các đối tượng quyền SHTT hoặc có liên quan trong các vụ tranh chấp pháp lý về các quyền SHTT nên hiểu rõ những quy định mới và quan trọng đang được áp dụng sẽ ảnh hưởng đến họ như thế nào.

## Việt Nam

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2020, Cục Sở hữu Trí tuệ Việt Nam (Cục SHTT) đã ban hành Thông báo hỏa tốc số 5277/TB-SHTT ("Thông Báo 5277") về việc áp dụng các biện pháp liên quan đến gia hạn thời hạn cho các thủ tục thiết lập quyền sở hữu công nghiệp bị ảnh hưởng bởi sự bùng phát COVID-19 cũng như đưa ra một số hướng dẫn về thực hiện các giao dịch giữa Cục SHTT và người nộp đơn trong giai đoạn này, cụ thể:

- Mọi thủ tục đến hạn nằm trong khoảng thời gian kể từ ngày 30 tháng 3 năm 2020 đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2020 liên quan đến thời hạn của thủ tục xác lập quyền các đối tượng sở hữu công nghiệp tự động được gia hạn đến hết ngày 30 tháng 5 năm 2020. Cục SHTT giải thích thêm rằng việc gia hạn tự động sẽ áp dụng cho yêu cầu hưởng quyền ưu tiên, bổ sung tài liệu, phản hồi các quyết định/thông báo của Cục SHTT, duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ, nộp các loại phí, lệ phí, nộp đơn khiếu nại.

- Thời điểm bắt đầu nhận yêu cầu thẩm định nhanh PPH theo Thỏa thuận giữa Cục SHTT và Cơ quan Sáng chế Nhật Bản được bắt đầu từ ngày 04 tháng 5 năm 2020 thay cho ngày 01 tháng 4 năm 2020 theo các thông báo trước đây của Cục SHTT.

- Kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020, mọi giao dịch giữa Cục SHTT (bao gồm Văn phòng đại diện Cục SHTT tại Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí

Minh) và người nộp đơn chỉ được thực hiện thông qua dịch vụ bưu chính hoặc hệ thống nộp đơn trực tuyến cho đến khi có thông báo mới. Việc nộp phí và lệ phí của người nộp đơn được thực hiện thông qua dịch vụ bưu chính hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Cục SHTT tại Kho bạc nhà nước cho đến khi có thông báo mới.

### **Kéo dài thời hạn cho các thủ tục liên quan đến nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp tại các quốc gia Đông Nam Á**

Để tiện theo dõi, bảng bên dưới liệt kê chi tiết về các thay đổi tại các quốc gia Đông Nam Á đang được áp dụng và cập nhật thường xuyên nhằm phản ánh tình hình thay đổi nhanh chóng do đại dịch hiện nay.



Quốc gia	Thời hạn gia hạn
Singapore	Cơ quan đăng ký sẽ không làm việc nhưng hệ thống nộp hồ sơ trực tuyến vẫn tiếp tục hoạt động. Thời hạn của tất cả hồ sơ từ ngày 7 tháng 4 năm 2020 đến ngày 7 tháng 5 năm 2020 sẽ được kéo dài đến ngày 8 tháng 5 năm 2020.
Malaysia	Tạm ngưng việc nộp hồ sơ trực tiếp đến ngày 15 tháng 4 năm 2020. Những ý kiến phản hồi về các văn bản chính thức được ban hành bởi cơ quan có thẩm quyền và tất cả các thời hạn cho việc kháng cáo, kháng nghị, khiếu nại và bất kỳ khoản thanh toán nào được kéo dài đến ngày 30 tháng 4 năm 2020. Việc gia hạn đăng ký kiểu dáng công nghiệp và đăng ký nhãn hiệu lần lượt sẽ được kéo dài đến ngày 15 và 30 tháng 4 năm 2020.
Indonesia	Tạm ngưng việc nộp hồ sơ trực tiếp. Tất cả các thời hạn liên quan đến các yêu cầu về hình thức từ ngày 23 tháng 3 năm 2020 đến ngày 21 tháng 4 năm 2020 sẽ được gia hạn cho đến khi có thông báo mới
Philippines	Tất cả các thời hạn đến hạn trong khoảng thời gian từ ngày 16 tháng 3 đến ngày 14 tháng 4 năm 2020, liên quan đến hồ sơ, tài liệu, việc thanh toán và thủ tục khiếu nại sẽ được gia hạn 45 ngày.
Thái Lan	Các thời hạn đã bị chậm trễ vẫn có thể được gia hạn nếu đáp ứng được các điều kiện sau: nguyên nhân của sự chậm trễ là do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19; yêu cầu gia hạn và bằng chứng chứng minh cho việc chậm trễ đó phải được nộp trong vòng 15 ngày sau khi dịch bệnh COVID-19-nguyên nhân liên quan đến sự chậm trễ, kết thúc.
Việt Nam	Tất cả các thời hạn từ ngày 30 tháng 3 năm 2020 đến ngày 30 tháng 4 năm 2020 sẽ được tự động gia hạn đến ngày 30 tháng 5 năm 2020.
Cambodia	Không có sự thay đổi
Lào	Cơ quan đăng ký sẽ không làm việc từ ngày 1 tháng 4 năm 2020 đến ngày 19 tháng 4 năm 2020, tất cả các thời hạn bị tạm ngưng đến ngày 20 tháng 4 năm 2020.
Myanmar	Không có sự thay đổi
Brunei	Không có sự thay đổi

## Cơ quan Sở Hữu Trí Tuệ Châu Âu

EUIPO chịu trách nhiệm giải quyết việc đăng ký, gia hạn và chấm dứt hiệu lực quyền SHTT tại EU. Cơ quan này vừa ban hành một thông báo liên quan đến Covid-19 và công bố một quyết định về việc gia hạn các thời hạn cho người nộp đơn.



EUIPO thông báo rằng “sự kiện đặc biệt” do đại dịch virus corona đã làm gián đoạn việc “liên lạc phù hợp” giữa các bên trên toàn thế giới và EUIPO, và vì thế, “tất cả thời hạn để các bên thực hiện các thủ tục tại Cơ quan [Cơ quan Sở hữu Trí tuệ Châu Âu] trong khoảng từ ngày 9 tháng 3 năm 2020 cho đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2020 sẽ được dời lại cho đến ngày 1 tháng 5 năm 2020”. Điều này có nghĩa là tất cả các thủ tục thực hiện tại EUIPO sẽ được gia hạn, bao gồm việc đóng lệ phí, yêu cầu hưởng quyền ưu tiên, thời gian phản đối, phí phản đối, gia hạn hiệu lực, kháng cáo, chuyển đổi và dời ngày công bố đối với các kiểu dáng cộng đồng.

### **Tổ chức Sở Hữu Trí Tuệ Thế Giới (WIPO)**

WIPO là tổ chức toàn cầu về dịch vụ, chính sách, thông tin và hợp tác liên quan đến SHTT. WIPO có trách nhiệm quản trị các hệ thống toàn cầu phục vụ cho việc đăng ký bằng sáng chế, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp và đồng thời cung cấp hệ thống trọng tài đối với các tranh chấp về tên miền.

Tương tự các cơ quan SHTT khác, WIPO hiện đã đóng cửa nhiều văn phòng không thiết yếu trên toàn thế giới. Mặc dù vậy, WIPO khẳng định rằng sẽ vẫn tiếp tục thực hiện các hoạt động theo Hiệp ước Hợp tác Sáng chế, Hệ thống Madrid về Đăng Ký Quốc Tế Nhãn Hiệu, Hệ thống Hague về Đăng Ký Quốc Tế Kiểu Dáng Công Nghiệp, Hệ thống Lisbon về Đăng Ký Quốc Tế Chỉ Dẫn Địa Lý cũng như việc quản trị các hệ thống sở hữu trí tuệ (SHTT) và các hệ thống liên quan trong lúc đại dịch hoành hành. Trung tâm Trọng tài và Hòa giải (AMC) vẫn tiếp tục xử lý các tranh chấp về tên miền theo Chính Sách Thống Nhất Về Giải Quyết Tranh Chấp Về Tên Miền (UDRP) và các vụ việc áp dụng phương thức giải quyết tranh chấp thay thế khác.

### **Chủ động bảo vệ tài sản trí tuệ**

Trong thời gian giãn cách xã hội, với các khuyến nghị làm việc từ xa, việc bảo vệ tài sản sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp của bạn là rất quan trọng. Chính sách làm việc tại nhà sẽ đặt ra các mối lo ngại mới và rộng khắp về việc bảo vệ bí mật thương mại. Với chính sách này, nhân viên sẽ có nhiều cơ hội để truy cập, tải xuống hoặc lưu trữ thông tin nhạy cảm từ các hệ thống và cơ sở dữ liệu của công ty. Do đó, làm việc từ xa trong đại dịch Virus Corona có thể khiến cho các tài liệu và hệ thống dữ liệu của bạn dễ bị xâm phạm. Dưới đây là một số biện pháp mà bạn có thể thực hiện để bảo vệ tài sản SHTT của mình trong hoàn cảnh đặc biệt này.

- Đảm bảo rằng công ty của bạn có các chính sách cơ bản về bảo mật, đánh dấu tài liệu, chia sẻ tài liệu, bảo vệ quyền riêng tư, bảo mật các thiết bị và máy chủ;
- Truyền thông các nghĩa vụ và yêu cầu khi làm việc tại nhà và hạn chế việc truyền tải các tin nhắn bảo mật đến một nhóm;
- Cung cấp các buổi đào tạo cho nhân viên, truyền đạt các chuẩn mực ứng xử và nhắc nhở về các chính sách của Công ty bạn;
- Thường xuyên gợi nhắc đối tác đang sử dụng bí mật kinh doanh của bạn về nghĩa vụ bảo mật của họ;
- Hạn chế việc nhắn tin trên các nền tảng không an toàn hoặc các ứng dụng bên thứ ba;
- Đánh dấu rõ ràng rằng các tin nhắn hoặc email là bảo mật và/hoặc không được tiết lộ;
- Triển khai hệ thống bảo mật CNTT để phát hiện, ngăn chặn việc truy cập trái phép và ngăn chặn các tài liệu bị tải xuống bất hợp pháp.

Liên hệ:

**Trần Châu Hoài Hận**

Cộng sự

han.tran@apolatlegal.com



# Các hình thức giải quyết tranh chấp cần quan tâm trong bối cảnh Covid-19

## 1. Vai trò của Giải quyết tranh chấp trong và sau dịch bệnh Corona

Đại dịch Covid-19 khiến cho chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy, hàng hoá bị chặn tại các cửa khẩu, xây dựng bị ngừng vì đại dịch, các hợp đồng bị vi phạm vì nhiều nguyên nhân trực tiếp hoặc gián tiếp từ Covid-19. Theo đó, các vấn đề tranh chấp sẽ phát sinh nhiều hơn và phức tạp hơn ở thời điểm hiện tại. Giải quyết tranh chấp đóng vai trò quan trọng trong việc tháo gỡ các mâu thuẫn, xung đột giữa các bên trong các giao dịch dân sự, kinh doanh thương mại, tạo nên một xã hội công bằng và điều tiết các quan hệ xã hội vào đúng khuôn khổ của pháp luật.

Thực tiễn pháp luật Việt Nam ghi nhận ba phương thức giải quyết tranh chấp dân sự phổ biến sau đây: (i) Thương lượng; (ii) Hòa giải; và (iii) Giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân (sau đây gọi tắt là “Tòa án”) hoặc Trọng tài thương mại (sau đây gọi tắt là “Trọng tài”). Tùy vào tính chất giao dịch và tranh chấp, doanh nghiệp có thể lựa chọn phương thức phù hợp dựa trên các phân tích chi tiết sau.

## 2. Các hình thức giải quyết tranh chấp và ưu nhược điểm

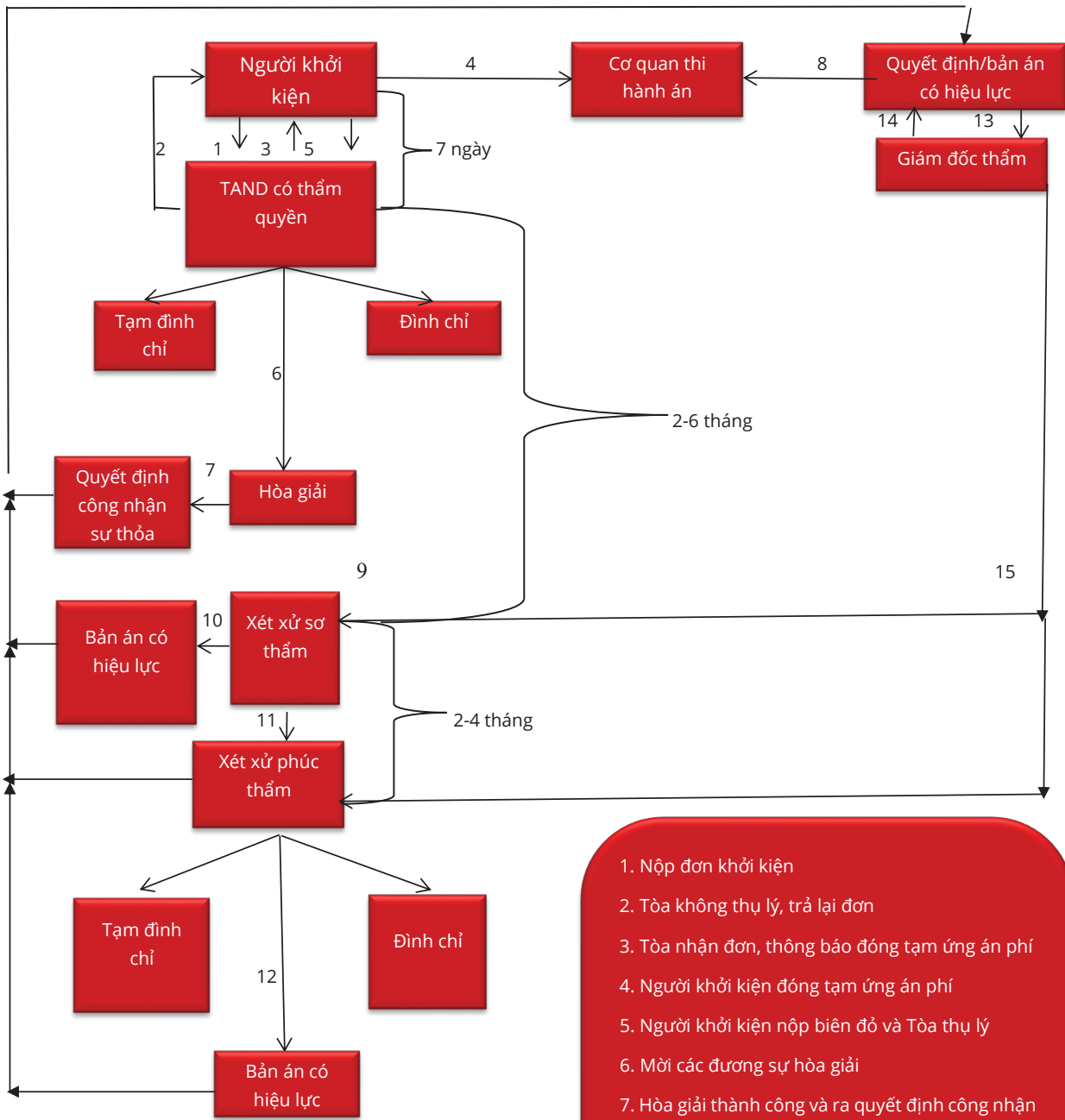
Các hình thức giải quyết tranh chấp	Tổng quan	Ưu điểm	Nhược điểm
<b>Thương lượng</b>	Là phương thức giải quyết tranh chấp thông qua việc các bên tranh chấp gặp nhau để bàn bạc, thỏa thuận nhằm tự giải quyết những bất đồng phát sinh mà không có sự hiện diện của bên thứ ba.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các bên được tự do thỏa thuận mà không chịu sự ràng buộc của quy định pháp luật về trình tự, thủ tục thực hiện.</li> <li>- Các bên có thể bảo vệ được bí mật kinh doanh và uy tín, tiết kiệm chi phí cũng như giữ gìn mối quan hệ hợp tác lâu dài.</li> </ul>	Kết quả thương lượng không được đảm bảo bằng bất kỳ cơ chế pháp lý mang tính bắt buộc nào nên việc thực hiện kết quả thương lượng hoàn toàn phụ thuộc vào sự tự nguyện của mỗi bên tranh chấp.
<b>Hòa giải</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là một phương thức giải quyết tranh chấp với sự tham gia của bên thứ ba nhằm hỗ trợ, thuyết phục các bên tranh chấp tìm kiếm các giải pháp để giải quyết tranh chấp. Bên thứ ba là cá nhân hoặc tổ chức do các bên tranh chấp thỏa thuận lựa chọn và có vị trí độc lập với các bên và hoàn toàn không có lợi ích liên quan đến vụ tranh chấp.</li> <li>- Các bên tranh chấp có thể chọn tiến hành hòa giải tại Tòa án (các Trung tâm hòa giải và đối thoại tại Tòa án), các Trung tâm hòa giải thương mại hoặc các Trung tâm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủ tục đơn giản, nhanh gọn và chi phí thấp hơn so với giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài.</li> <li>- Trình tự, thủ tục hòa giải sẽ do các bên tranh chấp tự thỏa thuận và thống nhất. Đối với hòa giải thương mại, ngoài việc tự thỏa thuận thì các bên có thể lựa chọn quy tắc hòa giải của tổ chức hòa giải thương mại để tiến hành hòa giải.</li> <li>- Không làm ảnh hưởng đến uy tín và mối quan hệ hợp tác giữa các bên, bí mật kinh doanh cũng được giữ kín.</li> <li>- Kết quả hòa giải có thể được Tòa án công nhận theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nếu như một hoặc cả hai bên có đơn yêu cầu Tòa án công nhận. Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thi hành theo pháp luật về thi hành án dân sự.</li> </ul>	Nếu kết quả hòa giải không được Tòa án công nhận thì việc thực hiện cũng sẽ phải phụ thuộc vào sự tự nguyện và thiện chí hợp tác của mỗi bên tranh chấp.

	trọng tài thương mại.		
<b>Tòa án</b>	Là phương thức giải quyết tranh chấp tại cơ quan xét xử nhân danh quyền lực nhà nước và được tiến hành theo trình tự, thủ tục nghiêm ngặt và chặt chẽ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp tại Tòa án được pháp luật quy định rõ ràng và chặt chẽ.</li> <li>- Phán quyết của Tòa án được đảm bảo thi hành bằng sức mạnh cưỡng chế của Nhà nước.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tòa án xét xử công khai. Do đó, có thể làm lộ các bí mật kinh doanh và ảnh hưởng xấu đến danh tiếng của các bên tranh chấp;</li> <li>- Thời gian giải quyết kéo dài;</li> <li>- Bản án của Tòa án có thể bị kháng cáo, kháng nghị.</li> </ul>
<b>Trọng tài</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là phương thức giải quyết các tranh chấp về thương mại do các bên thỏa thuận và được tiến hành theo quy định của Luật Trọng tài thương mại 2010. Ngoài ra, các doanh nghiệp hoạt động thương mại quốc tế có thể chọn trọng tài hoặc pháp luật nước ngoài để giải quyết tranh chấp tùy thỏa thuận của các bên.</li> <li>- Trọng tài có hai hình thức: <ul style="list-style-type: none"> <li>☒ Trọng tài quy chế: Là hình thức giải quyết tranh chấp tại một Trung tâm trọng tài theo quy định của Luật Trọng tài thương mại</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các bên có thỏa thuận áp dụng Trọng tài và thỏa thuận trọng tài có thể được lập trước hoặc sau khi có tranh chấp nhưng phải được xác lập dưới dạng văn bản.</li> <li>- Nội dung tranh chấp phải liên quan đến hoạt động thương mại hoặc tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại hoặc tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng Trọng tài.</li> <li>- Không trải qua nhiều cấp xét xử. Phán quyết của trọng tài là chung thẩm nếu như không có yêu cầu hủy phán quyết.</li> <li>- Tất cả bí mật thông tin của các bên được giữ kín trong suốt quá trình giải quyết tranh chấp lẫn sau khi có phán quyết cuối cùng.</li> <li>- Thủ tục đơn giản, mềm dẻo và linh hoạt nên các bên có</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí giải quyết tranh chấp cao hơn so với Tòa án.</li> <li>- Việc giải quyết tranh chấp tại Trọng Tài chỉ khi được sự thỏa thuận bằng văn bản của các bên.</li> <li>- Phán quyết của trọng tài có thể bị Tòa án có thẩm quyền hủy nếu vi phạm các điều kiện luật định và các bên phải tiến hành tố tụng lại từ đầu.</li> </ul>

	<p>2010 và quy tắc tố tụng của Trung tâm trọng tài đó.</p> <p>☒ Trọng tài vụ việc: Là hình thức giải quyết tranh chấp theo quy định của Luật Trọng tài thương mại 2010 và trình tự, thủ tục do các bên thoả thuận.</p>	<p>thể chủ động về thời gian, địa điểm giải quyết tranh chấp.</p> <p>- Việc thi hành phán quyết lúc ban đầu hoàn toàn phụ thuộc vào thiện chí hợp tác và sự tự nguyện của các bên. Chỉ khi vượt quá thời hạn thi hành ghi trong phán quyết và có yêu cầu của bên được thi hành thì mới có sự can thiệp của cơ quan thi hành án.</p>	
--	--	---	--

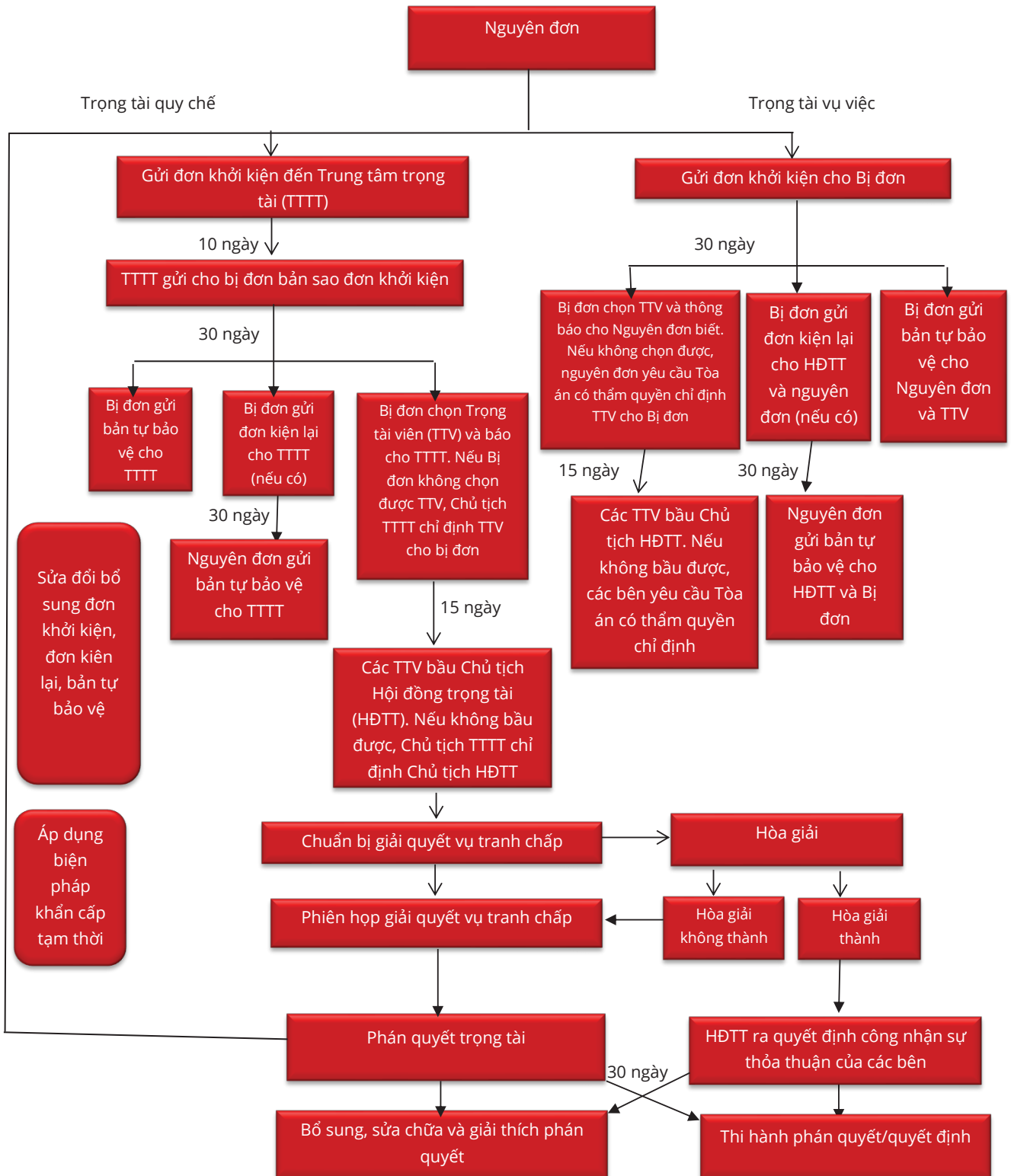


### 3. Trình tự giải quyết tranh chấp tại Tòa án



1. Nộp đơn khởi kiện
2. Tòa không thụ lý, trả lại đơn
3. Tòa nhận đơn, thông báo đóng tạm ứng án phí
4. Người khởi kiện đóng tạm ứng án phí
5. Người khởi kiện nộp biên đồ và Tòa thụ lý
6. Mời các đương sự hòa giải
7. Hòa giải thành công và ra quyết định công nhận
8. Chuyển cơ quan thi hành án giải quyết
9. Hòa giải không thành ra quyết định xét xử sơ thẩm
10. Không có kháng cáo, bản án có hiệu lực
11. Có kháng cáo xét xử phúc thẩm
12. Phán quyết phúc thẩm, bản án có hiệu lực
13. Quyết định bản án có hiệu lực bị kháng cáo, kháng nghị
14. Quyết định của Giám đốc/ Tái thẩm giữ y án
15. Giao xét xử lại cấp Sơ thẩm hoặc phúc thẩm

## 4. Trình tự giải quyết tranh chấp bằng trọng tài



Liên hệ:

**Phạm Thị Thoa**

Luật sư thành viên

thoa.pham@apolatlegal.com

**Mã Thái Trân**

Nhân sự



# Các phương thức thu hồi nợ hiệu quả trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19

## 1. Vai trò của Thu Hồi Nợ trong và sau dịch bệnh Covid-19

Các biện pháp cách ly, phong toả của các chính phủ trong thời điểm dịch Covid-19 buộc nhiều doanh nghiệp phải ngừng hoạt động mà thấy rõ là các ngành du lịch, vận tải, khách sạn, nhà hàng và các hoạt động đặc thù khác. Đối diện với việc ngừng hoạt động, nhu cầu tiêu dùng giảm sút và sự đứt gãy của cung ứng hàng hoá toàn cầu, các doanh nghiệp sẽ không có dòng tiền để chi trả cho các chi phí vận hành doanh nghiệp như tiền thuê mặt bằng, tiền lương trả cho người lao động, tiền lãi vay, nợ nhà cung cấp... Doanh nghiệp này sẽ đòi nợ doanh nghiệp khác; do vậy, việc thu hồi nợ ở thời điểm này được đặt ra nhiều hơn và cấp thiết hơn. Có thể nhận thấy rằng hoạt động thu hồi nợ có các vai trò sau:

- Đảm bảo quyền của chủ nợ trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp: Thu hồi nợ giúp chủ nợ đòi lại các khoản tiền/tài sản đến hạn/quá hạn mà con nợ phải trả cho chủ nợ theo hợp đồng hoặc theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Những khoản nợ phải thu này ảnh hưởng trực tiếp đến dòng tiền và mức độ an toàn tài chính của doanh nghiệp, giúp vận hành bộ máy hoạt động hiệu quả và tránh rủi ro trong hoạt động kinh doanh. Tùy thuộc vào tính chất của khoản nợ và đối tượng nợ mà doanh nghiệp có thể lựa chọn các hình thức khác nhau để thu hồi nợ.

- Bảo vệ trật tự xã hội: Việc chủ nợ thu hồi nợ và áp dụng linh hoạt các biện pháp thu hồi nợ sẽ giúp cho chủ nợ thoát khỏi tình cảnh khó khăn, đồng thời cũng tạo sự rõ ràng và công bằng trong các giao dịch

giữa các bên, hạn chế tình trạng các con nợ trây ì và lợi dụng sự thiếu hiểu biết của chủ nợ để trốn tránh trách nhiệm và gây thiệt hại về tài chính đến chủ nợ.

## 2. Các hình thức thu hồi nợ

### 2.1. Thương lượng

- Là biện pháp thu hồi nợ mà theo đó chủ nợ sẽ trực tiếp đàm phán, thuyết phục, đề nghị phía con nợ để cùng nhau thống nhất kế hoạch thanh toán nợ.
- Ưu điểm: vừa mang tính chất mềm dẻo, linh hoạt, tiết kiệm chi phí, thời gian vừa thu được nợ nhưng vẫn giữ được mối quan hệ hợp tác giữa các bên.
- Nhược điểm: biện pháp thương lượng, thỏa thuận chỉ hiệu quả khi con nợ thực sự có thiện chí trong việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán và có khả năng tài chính, thể hiện qua việc con nợ đưa ra lộ trình thanh toán cụ thể và chính xác.

### 2.2. Công ty thu hồi nợ

Chủ nợ có thể thông qua bên trung gian là các Luật sư, công ty luật hoặc đơn vị thu hồi nợ để thu hồi khoản nợ. Dịch vụ thu hồi nợ (hay yêu cầu thực hiện đúng nghĩa vụ hợp đồng/giải quyết hậu quả của hành vi vi phạm hợp đồng) được thực hiện bởi công ty luật thường dễ bị nhầm lẫn với dịch vụ đòi nợ thuê – vốn là một ngành nghề kinh doanh có điều kiện được quy định tại Nghị định 104/2007/NĐ-CP về kinh doanh dịch vụ đòi nợ.

Để phân biệt rõ ràng hơn hai khái niệm, chúng ta có thể tham khảo bảng sau:

DỊCH VỤ PHÁP LÝ THU HỒI NỢ	DỊCH VỤ ĐÒI NỢ THUÊ
<p>Thông thường là chi phí cố định và một tỷ lệ phần trăm trên số tiền thu hồi được (tỷ lệ này thường thấp vì đã có chi phí cố định ban đầu)</p>	<p>Không có chi phí cố định ban đầu hoặc chỉ có chi phí khảo sát con nợ không đáng kể và một tỷ lệ phần trăm trên số tiền thu hồi được rất cao</p>
<p>Là dịch vụ pháp lý của Công ty Luật, Văn phòng Luật.</p>	<p>Là ngành kinh doanh có điều kiện theo quy định của Nghị định 104/2007/NĐ-CP.</p>
<p>Biện pháp thu hồi nợ thường gặp là đàm phán, thương lượng và khởi kiện.</p>	<p>Thực hiện toàn bộ các biện pháp nhằm mục đích đòi nợ cho khách hàng.</p>
<p>Hoạt động cung cấp dịch vụ dựa trên hợp đồng. Có kế hoạch rõ ràng, khách hàng dễ dàng theo dõi chi tiết hoạt động thu hồi nợ.</p>	<p>Không có chi tiết rõ ràng, khách hàng thường không biết thông tin và tiến độ công việc.</p>
<p>Thường được lựa chọn khi con nợ có khả năng thanh toán và còn tài sản.</p>	<p>Thường được lựa chọn khi con nợ mất khả năng thanh toán, không có tài sản và trốn tránh.</p>

### 2.3. Tòa án, Trọng tài

- Thực hiện thu hồi nợ thông qua Tòa án, trọng tài thương mại là phương thức áp dụng khi chủ nợ nỗ lực thương lượng không thành, con nợ không có thiện chí làm việc, cố ý lẩn tránh, thoái thác trách nhiệm, hoặc có kế hoạch thanh toán nhưng thanh toán chậm, thanh toán kéo dài và “nhỏ giọt”.

- Việc sử dụng Tòa án, Trọng tài sẽ tạo áp lực đến con nợ, và đẩy nhanh quá trình thanh toán nợ.

Về ưu nhược điểm và quy trình tố tụng tại Tòa án/Trọng tài để giải quyết thu hồi nợ, vui lòng xem tại Mục Các Hình Thức Giải Quyết Tranh Chấp Cần Quan Tâm Trong Bối Cảnh Covid-19.

## 2.4. Thủ tục phá sản

Lý do thủ tục phá sản có thể là một phương án thu hồi nợ:

Luật phá sản cho chủ nợ không có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm một phần có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi hết thời hạn ba tháng kể từ ngày khoản nợ đến hạn mà doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tòa án nhận đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hợp lệ, doanh nghiệp mất khả năng thanh toán và chủ nợ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản có quyền đề nghị bằng văn bản gửi tòa án để các bên thương lượng việc rút đơn. Tòa án ấn định thời gian thương lượng nhưng không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hợp lệ.

Như vậy, trước khi thụ lý đơn, tòa án cho chủ nợ và con nợ được ngồi đàm phán, thương lượng với nhau. Với một con nợ vẫn còn khả năng thanh toán mà bị nộp đơn đề nghị phá sản, việc này sẽ gây ra một áp lực tâm lý nhất định với con nợ. Con nợ sẽ phải hiểu nếu thương lượng không thành thì những hệ quả của quyết định mở thủ tục phá sản sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền tự quyết của chủ doanh nghiệp.

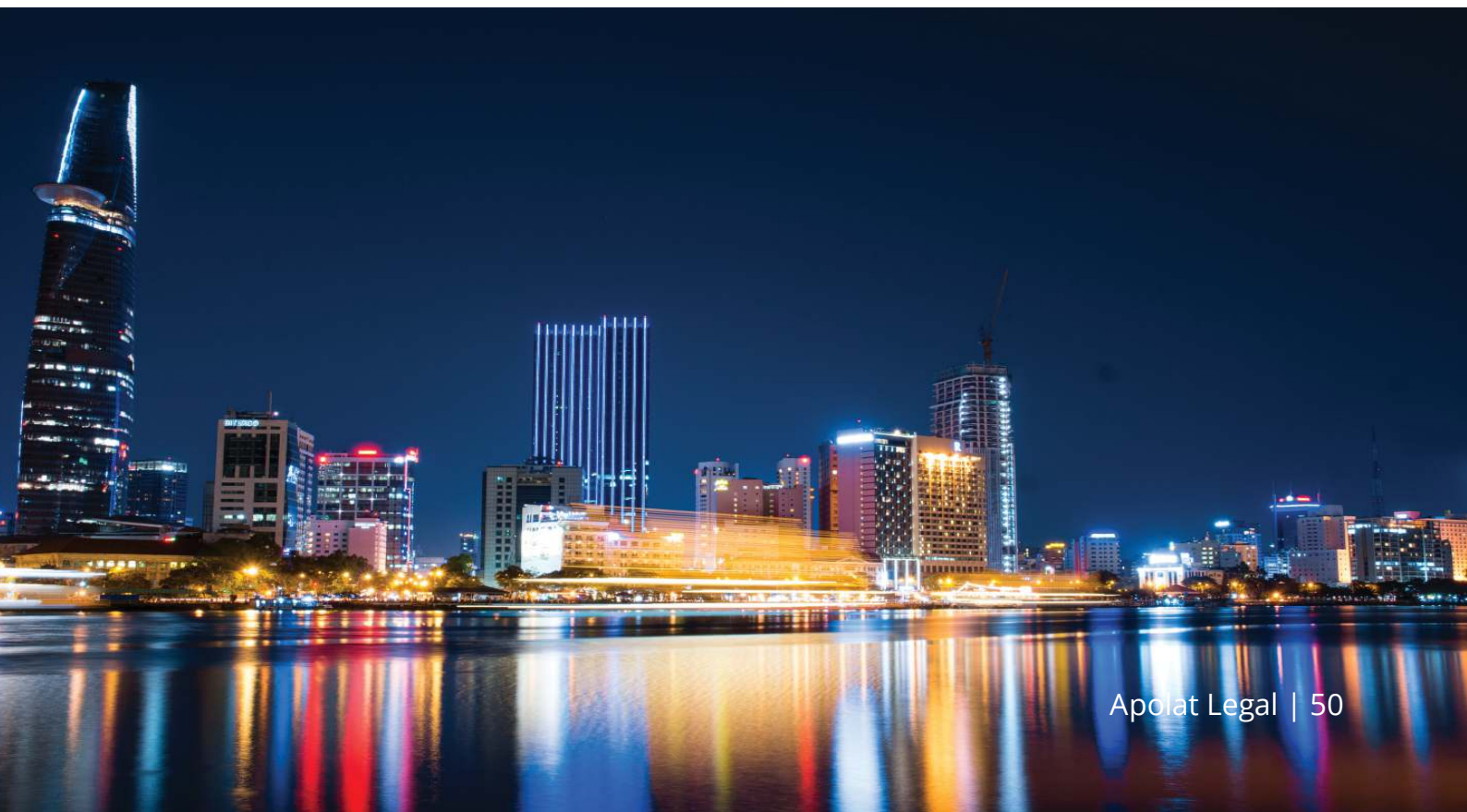
Cụ thể, sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản, doanh nghiệp vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh, nhưng phải chịu sự giám sát của thẩm phán và quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, doanh nghiệp không được quyền trả nợ không có bảo đảm, bị giám sát các hoạt động liên quan đến việc vay, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, mua bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản; bán, chuyển đổi cổ phần; chuyển quyền sở hữu tài sản, bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo toàn tài sản của doanh nghiệp.

Ngoài các vấn đề nêu trên, khi quyết định mở thủ tục phá sản được ban hành, toàn bộ các chủ nợ của doanh nghiệp sẽ cùng lúc kéo tới để yêu cầu quyền lợi của mình. Điều này sẽ gây áp lực cực lớn cho việc trả nợ của con nợ, thay vì một chủ nợ yêu cầu thanh toán thì nay sẽ là toàn bộ các chủ nợ trong đó có cả người lao động, nghĩa vụ thuế...

Bởi vậy, nếu chủ nợ có thể vận dụng một cách linh hoạt và uyển chuyển các quy định của Luật phá sản, chủ nợ sẽ đưa con nợ tới tình huống hoặc lựa chọn trả nợ cho mình hoặc phải đối phó với rất nhiều các chủ nợ khác và toàn bộ hoạt động kinh doanh bị kiểm soát, phong tỏa. Đối với doanh nghiệp có khả năng thanh toán nhưng cố tình “chiếm dụng vốn trái luật” thì Luật phá sản là một công cụ để thương lượng đối với chủ nợ có khoản nợ rõ ràng.

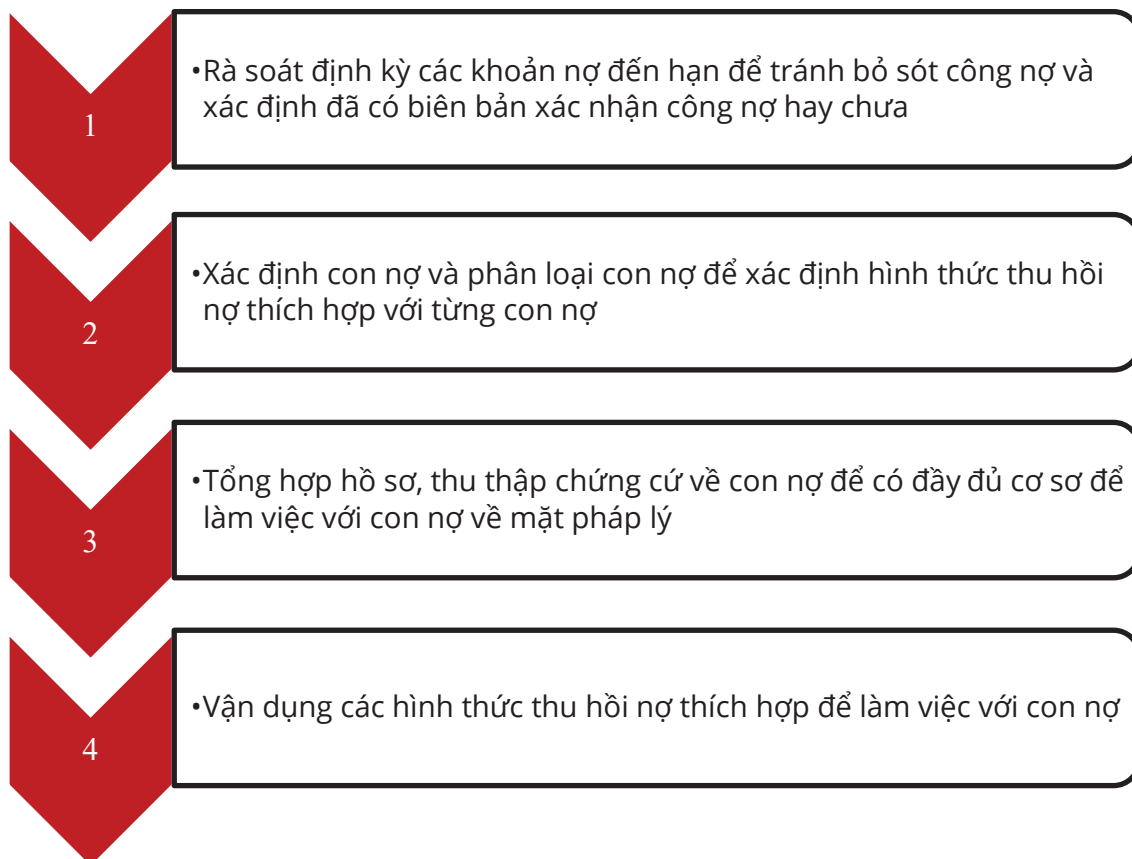
Trong trường hợp doanh nghiệp thực sự mất khả năng thanh toán thì Luật phá sản sẽ giúp chủ nợ bảo toàn tài sản của doanh nghiệp để chủ nợ có thể thu hồi được một phần tài sản nào đó, tránh trường hợp doanh nghiệp tiến hành tẩu tán tài sản.

**Tổng quan về phá sản và quy trình mở thủ tục phá sản, vui lòng xem tại Mục Phá Sản Doanh Nghiệp Trước Tác Động Của Dịch Bệnh Covid-19, Những Vấn Đề Pháp Lý Cần Quan Tâm?**



### 3. Quy trình thu hồi nợ

Để chủ nợ có đủ cơ sở để yêu cầu con nợ thanh toán, đồng thời lựa chọn hình thức thu hồi nợ phù hợp, các chủ nợ cần thực hiện các bước sau:



Liên hệ:


**Phạm Thị Thoa**

Luật sư thành viên

thoa.pham@apolatlegal.com

**Bùi Như Quỳnh**

Nhân sự

The background of the entire page is a photograph of numerous glowing lanterns hanging from strings against a dark night sky. The lanterns are in various shapes and colors, including red, orange, and yellow, and they are illuminated from within, creating a warm, festive atmosphere. The lanterns are strung across the frame, with some in the foreground and others receding into the background.

# Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đối với các giao dịch M&A

Sự bùng nổ của dịch bệnh Covid-19 đã gây ra rất nhiều khó khăn và trì hoãn cho các thương vụ mua bán và sáp nhập đang diễn ra hoặc dự định được thực hiện, đặc biệt là thương vụ xuyên biên giới (cả về giá trị và số lượng), do các chính sách giãn cách xã hội và các biện pháp phong tỏa được áp dụng bởi chính phủ ở nhiều quốc gia. Dưới đây là một số vấn đề mà các bên dù đang dự tính hoặc đang tham gia vào một giao dịch M&A nên lưu ý trong giai đoạn nhiều biến động này.

## Thẩm định

Khi tiến hành thẩm định công ty mục tiêu, bên mua nên chú ý đến các khía cạnh liên quan đến tác động của đại dịch đối với công ty mục tiêu. Một số khía cạnh có thể được xem xét bao gồm:

- Khả năng xảy ra các thay đổi bất lợi nghiêm trọng mà các thay đổi này có thể cấu thành điều kiện để bên mua chấm dứt các giao dịch đang tiến hành;
- Ảnh hưởng tài chính đến công ty mục tiêu;
- Nguy cơ xảy ra vi phạm ở bất kỳ hợp đồng trọng yếu nào mà công ty mục tiêu là một bên của hợp đồng;
- Khả năng mà các bên khác có thể chấm dứt hợp đồng đã ký với công ty mục tiêu, có thể dựa vào sự kiện bất khả kháng hoặc các điều khoản về hoàn cảnh thay đổi cơ bản,...
- Các hậu quả nếu bên cho vay của công ty mục tiêu thực thi các quyền đòi nợ của mình;
- Đánh giá tính hiệu quả của kế hoạch kinh doanh được cung cấp;
- Bản chất và phạm vi được bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm mà công ty mục tiêu đã đạt mua; và
- Các chính sách lao động hoặc nội quy lao động để bảo vệ nhân viên, giải quyết các yêu cầu về việc bố trí nhân viên làm việc tại nhà, tự cách ly hoặc thậm chí là các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động và giải quyết hậu quả của nó trong bối cảnh hiện nay.



## Điều kiện tiên quyết hoặc điều kiện để hoàn tất giao dịch

Nếu các thỏa thuận M&A có đặt ra các điều kiện tiên quyết để thực hiện giao dịch hoặc điều kiện để giao dịch được xem là hoàn tất mà các điều kiện này phụ thuộc vào sự chấp thuận hoặc kết quả nhất định từ các cơ quan nhà nước, các bên nên xem xét liệu thời hạn mà các hợp đồng M&A đã đặt ra để đạt được những kết quả này có khả thi trong giai đoạn hiện nay hay không, và liệu các cơ quan có thẩm quyền đã có thông báo về các thay đổi trong lịch trình làm việc của những cơ quan này hay không. Nếu việc gia hạn là cần thiết trong trường hợp này, việc điều chỉnh này có thể sẽ dẫn đến rủi ro lớn hơn cho cả hai bên. Ngoài ra, thời hạn cuối cùng (long stop date) được nêu trong các hợp đồng M&A cũng nên được xem xét cẩn thận để đảm bảo rằng thời hạn này vẫn khả thi cho các bên.

## Kiểm soát khủng hoảng

Trong các hợp đồng M&A, bên bán thường đưa ra các cam kết rằng công ty mục tiêu sẽ luôn được vận hành trong phạm vi kinh doanh thông thường của nó. Tuy nhiên, sự bùng nổ của đại dịch Covid-19 và các biện pháp giãn cách xã hội nghiêm ngặt được áp dụng có thể đặt ra các thách thức cho sự ổn định của doanh nghiệp và, do đó, làm việc điều hành doanh nghiệp trong phạm vi hoạt động bình thường của nó trở nên khó khăn. Trong bối cảnh này, bên mua nên cho phép bên bán một giới hạn linh hoạt hoặc các ngoại lệ nhất định để lèo lái công ty mục tiêu thích nghi với môi trường thay đổi nhanh chóng hiện nay. Việc nói lỏng này sẽ tạo cho bên bán một mức độ và khả năng hành động nhanh chóng vì lợi ích tốt nhất của công ty với điều kiện vẫn tuân thủ các quy định của chính phủ.

## Các bảo đảm và thư tiết lộ

Trong điều kiện thị trường thay đổi nhanh chóng do sự lây lan của dịch bệnh Covid-19, các bảo đảm mà các bên đưa ra trong hợp đồng trước đây có thể một lần nữa lại trở thành vấn đề nóng giữa các bên.

Một mặt, bên bán có thể muốn sửa đổi một số bảo đảm để phản ánh những thay đổi thực tế hoặc để bảo vệ họ khỏi các vi phạm có thể xảy ra đối với một số bảo đảm mà chúng khó có thể được hoàn thành trong giai đoạn diễn ra dịch bệnh. Ở khía cạnh còn lại, bên mua có thể muốn giữ nguyên các bảo đảm vốn đã được các bên thống nhất qua đàm phán và sẽ đấu tranh quyết liệt để giữ lại các đảm bảo mà chúng có thể ảnh hưởng đến giá trị cốt lõi của công ty mục tiêu và tiềm năng phát triển của nó trong tương lai.

Bên bán nên cân nhắc về việc liệu có cần tiết lộ thêm các ngoại lệ cho các bảo đảm đã đưa ra trong hợp đồng hay không. Việc đưa ra các tiết lộ mới, vốn là công cụ để bên bán không bị xem là vi phạm các đảm bảo đã đưa ra, có thể là cần thiết do các sự kiện hiện nay, đặc biệt là các bảo đảm liên quan đến thời hạn cuối cùng, các hợp đồng với khách hàng và nhà cung cấp, cam kết về tuân thủ luật pháp - bao gồm cả các khu vực nơi mà hàng loạt quy định mới đã được ban hành, khả năng làm việc với cơ quan quản lý, khả năng phục hồi của các hệ thống công nghệ thông tin, các biện pháp nới lỏng tạm thời các tiêu chuẩn bảo đảm công nghệ thông tin và các giải pháp bố trí công việc của nhân viên.

### Các thay đổi bất lợi nghiêm trọng

Với bối cảnh chưa từng có tiền lệ gây ra do đại dịch Covid-19 như hiện nay, các bên cũng nên cân nhắc điều khoản về "thay đổi bất lợi nghiêm trọng" khi đánh giá lại các giao dịch M&A. Một cách khái quát, điều khoản về các thay đổi bất lợi nghiêm trọng là điều khoản pháp lý thường được thiết kế trong hầu hết các hợp đồng mua bán và sáp nhập nhằm cho phép bên mua hoặc bên bán có quyền rút khỏi giao dịch hoặc yêu cầu sửa đổi các điều khoản và điều kiện của các hợp đồng dựa trên căn cứ rằng có sự thay đổi bất lợi đáng kể trong công ty mục tiêu, triển vọng phát triển hoặc điều kiện kinh doanh của công ty mục tiêu gây ảnh hưởng đến các bên tham gia thỏa thuận.



Theo luật pháp Việt Nam, điều khoản "thay đổi bất lợi nghiêm trọng" có cách tiếp cận tương tự như quy định về "thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản" tại Điều 420 Bộ luật Dân sự 2015. Theo đó, bên bị ảnh hưởng được phép yêu cầu bên còn lại tiến hành đàm phán lại các điều khoản hợp đồng trong một thời hạn hợp lý nếu có sự thay đổi hoàn cảnh cơ bản trong quá trình thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp các bên không thể thống nhất về các điều khoản mới trong hợp đồng, một trong các bên có thể yêu cầu tòa án (i) chấm dứt hợp đồng tại một thời điểm cụ thể; hoặc (ii) sửa đổi hợp đồng để cân bằng lại các quyền/lợi ích hợp pháp của các bên theo hợp đồng, để phù hợp với sự thay đổi cơ bản của hoàn cảnh.

Liên hệ:

**Trần Châu Hoài Hận**

Cộng sự

han.tran@apolatlegal.com



# Giải thể doanh nghiệp trước tác động của dịch bệnh Covid-19

*Hiện nay, rất nhiều doanh nghiệp cố gắng hoạt động “cầm chừng” trong giai đoạn dịch bệnh và chờ nó sớm đi qua, khôi phục lại nền kinh tế, một số khác thì tạm dừng hoạt động kinh doanh. Theo số liệu ghi nhận thì trong Quý I/2020 số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động là 18.596 doanh nghiệp, tăng 26% so với cùng kỳ năm 2019, đây là mức tăng cao nhất trong giai đoạn từ 2015 – 2020 thể hiện sự ảnh hưởng trực tiếp của Covid-19.*

*Đáng chú ý hơn, trong Quý I/2020, số lượng doanh nghiệp đã hoàn tất việc giải thể là 4.115 và đang chờ giải thể là 12.178 (theo số liệu từ Cục Quản lý Đăng ký Doanh nghiệp). Những ngành có xu hướng giải thể cao là doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, giáo dục và đào tạo, bán buôn, chế biến, chế tạo... Mặc dù đây là lựa chọn không mong muốn của bất kỳ cổ đông, thành viên góp vốn hay chủ sở hữu nào nhưng họ bắt buộc phải đưa ra quyết định này nhằm bảo toàn một phần hoặc toàn bộ số vốn đã đầu tư. Tuy nhiên, khi tiến hành giải thể, các doanh nghiệp phải lưu ý những vấn đề như sau.*

## 1. Quyết định giải thể của doanh nghiệp

Căn cứ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014, tùy thuộc vào loại hình doanh nghiệp khác nhau mà việc giải thể sẽ được thực hiện theo quyết định của:

Loại hình doanh nghiệp	Thẩm quyền ban hành	Điều kiện
Công Ty Cổ Phần	Đại hội đồng cổ đông	Quyết định giải thể được thông qua với số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành
Công ty TNHH hai thành viên trở lên	Hội đồng thành viên	Quyết định giải thể được thông qua với số phiếu đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp của các thành viên dự họp tán thành
Công ty TNHH một thành viên hay doanh nghiệp tư nhân	Chủ sở hữu	Quyết định giải thể của chủ sở hữu Công ty TNHH một thành viên hay doanh nghiệp tư nhân
Công ty Hợp danh	Hội đồng thành viên	Quyết định giải thể được thông qua với sự đồng ý của $\frac{3}{4}$ tổng số thành viên hợp danh chấp thuận

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp, đăng quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp.

## 2. Điều kiện giải thể doanh nghiệp

Cần phải thừa nhận rằng, việc thành lập doanh nghiệp ngày càng trở lên đơn giản, nhiều trường hợp có thể thực hiện đăng ký online và người thành lập không cần phải mất nhiều thời gian, công sức đi lại. Tuy nhiên, việc giải thể hay chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp thì ngược lại, cần phải được thận trọng xem xét và giải quyết vì các nghĩa vụ của doanh nghiệp đã phát sinh trong suốt thời gian hoạt động. Để giải thể, doanh nghiệp cần phải đáp ứng các điều kiện như sau :

### 2.1. Bảo đảm các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác được thanh toán hết.

Trước khi giải thể, doanh nghiệp cần phải đảm bảo thanh toán được hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính khác theo thứ tự ưu tiên như sau :

(i) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

(ii) Nợ thuế;

(iii) Các khoản nợ khác.

Để xem xét các nghĩa vụ tài chính một cách đầy đủ và chính xác, doanh nghiệp cần phải rà soát lại toàn bộ các hợp đồng, thỏa thuận đã ký kết với người lao động, khách hàng, nhà cung cấp, đối tác hay nghĩa vụ với cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác. Tùy vào từng trường hợp cụ thể và thỏa thuận của các bên trong hợp đồng, doanh nghiệp có thể xác định được trách nhiệm của mình với họ và ngược lại, từ đó có phương án giải quyết cho phù hợp, đặc biệt là các nghĩa vụ tài chính kèm theo.

Bên cạnh việc sử dụng nguồn tài chính là khoản tiền mặt sẵn có hoặc thu hồi các khoản nợ của khách hàng, doanh nghiệp có thể tiến hành thanh lý các tài sản hữu hình như máy móc, thiết bị hay các tài sản vô hình như các quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả .... Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể doanh nghiệp, phần còn lại sẽ được chia cho chủ doanh nghiệp tư nhân, các thành viên, cổ đông hoặc chủ sở hữu công ty theo tỷ lệ sở hữu phần vốn góp, cổ phần.

## 2.2. Không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài

Nhằm ngăn chặn doanh nghiệp trốn tránh thực hiện nghĩa vụ và bảo vệ quyền lợi của các bên trong tranh chấp đang được xét xử tại Tòa án/ Cơ quan trọng tài, pháp luật không cho phép các doanh nghiệp đang là nguyên đơn, bị đơn, người có quyền nghĩa vụ liên quan hoặc tham gia tố tụng với một tư cách khác được quyền giải thể. Chỉ khi tranh chấp đã được giải quyết hoàn toàn bởi Tòa án, cơ quan trọng tài và doanh nghiệp đã thực hiện đúng các nghĩa vụ được quy định trong bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan trọng tài thì mới được tiến hành giải thể.

## 3. Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể

Với mục đích bảo vệ quyền lợi của các bên có liên quan, cũng như bảo vệ quyền lợi của các cổ đông, thành viên góp vốn khi doanh nghiệp thực hiện giải thể, kể từ khi có quyết định giải thể thì doanh nghiệp và người quản lý doanh nghiệp bị cấm thực hiện các hành vi sau:

(i) Tẩu tán tài sản hoặc cất giấu tài sản dưới mọi hình thức;

(ii) Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;

(iii) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp;



(iv) Ký kết hợp đồng mới không phải là hợp đồng nhằm thực hiện giải thể doanh nghiệp;

(v) Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản;

(vi) Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;

(vii) Huy động vốn dưới mọi hình thức khác.

Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, cá nhân có hành vi vi phạm trên có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, trong trường hợp có gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Liên hệ:

**Đinh Quang Long**

Luật sư thành viên

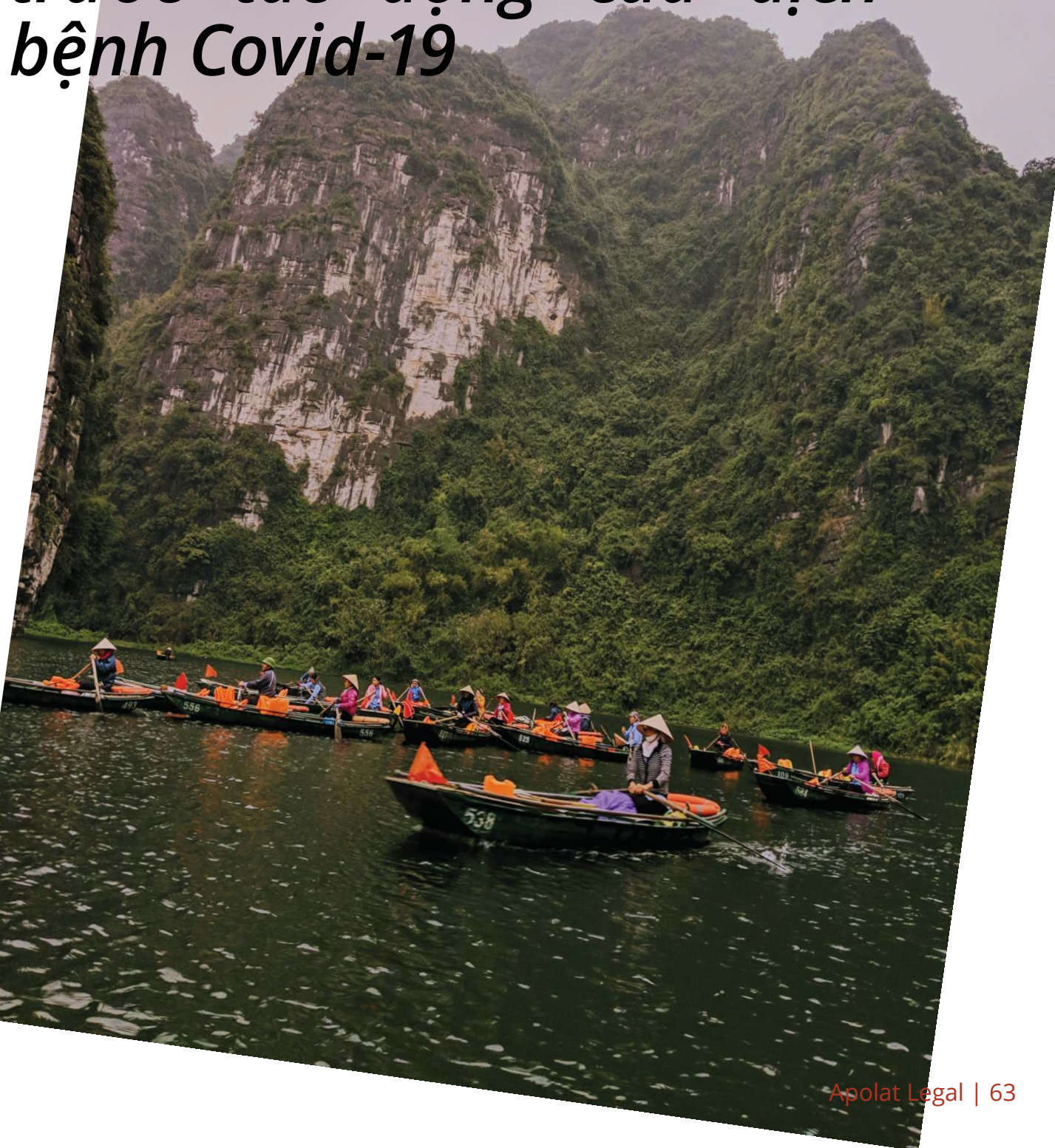
long.dinh@apolatlegal.com

**Cao Duy Khôi**

Cộng sự

khoi.cao@apolatlegal.com

**"Phá sản** doanh nghiệp  
trước tác động của dịch  
bệnh Covid-19



## 1. Vai trò của pháp luật về phá sản trong và sau dịch bệnh Covid-19

- Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ nợ

Pháp luật phá sản trao cho chủ nợ quyền yêu cầu mở thực phá sản khi con nợ mất khả năng thanh toán và các biện pháp cấm chuyển dịch tài sản của con nợ nhằm tránh trường hợp tài sản của con nợ bị tẩu tán. Ngoài ra, pháp luật phá sản tạo sự công bằng, bình đẳng giữa các chủ nợ. Các chủ nợ không được quyền đòi nợ riêng lẻ mà được tập trung giải quyết trong vụ việc phá sản và phân chia tài sản của con nợ theo thứ tự luật định.

- Bảo vệ quyền lợi của con nợ (doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản)

Trong quy trình giải quyết phá sản, tại chương VII của Luật phá sản 2014, doanh nghiệp được quyền đưa ra phương án phục hồi hoạt động kinh doanh và thuyết phục chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh. Điều này, giúp con nợ tìm cơ hội “sống” cuối cùng.

Phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán phải nêu rõ các biện pháp để phục hồi hoạt động kinh doanh; các điều kiện, thời hạn và kế hoạch thanh toán các khoản nợ. Các biện pháp để phục hồi hoạt động kinh doanh gồm: Huy động vốn; Giảm nợ, miễn nợ, hoãn nợ; Thay đổi mặt hàng sản xuất, kinh doanh; Đổi mới công nghệ sản xuất; Tổ chức lại bộ máy quản lý, sáp nhập hoặc chia tách bộ phận sản xuất; Bán cổ phần cho chủ nợ và những người khác; Bán hoặc cho thuê tài sản; Các biện pháp khác không trái quy định của pháp luật....

Nếu con nợ “chết”, chủ nợ sẽ lao đao, có khả năng sẽ mất luôn khoản nợ. Vì vậy, thay vì ép con nợ đến đường cùng và mất hết tất cả, chủ nợ sẽ cân nhắc phương án kinh doanh để con nợ của mình có cơ hội sống sót.

Hiểu được tâm lý này, nếu thực sự doanh nghiệp mất khả năng thanh toán, chủ doanh nghiệp không thể đàm phán với từng chủ nợ thì việc mở thủ tục phá sản, đưa vụ việc ra Tòa án và trình bày phương án phục hồi hoạt động kinh doanh trước hội nghị chủ nợ tại Tòa án là một biện pháp khả thi và tỷ lệ đàm phán thành công cao hơn.

- Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động

Pháp luật phá sản ưu tiên cho người lao động quyền yêu cầu mở thủ tục phá sản, quyền được thanh toán nợ lương trước các chủ nợ không bảo đảm khác...

- Tái tổ chức lại doanh nghiệp và tái cơ cấu lại nền kinh tế

Pháp luật phá sản tạo ra sự đào thải tự nhiên đối với doanh nghiệp yếu kém. Tránh tác động tiêu cực của doanh nghiệp yếu kém này tới các doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả khác, loại bỏ các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, tạo môi trường lành mạnh cho hoạt động đầu tư. Ngoài ra, buộc các chủ doanh nghiệp phải nỗ lực trong việc vận hành, quản lý doanh nghiệp nếu không sẽ đối diện với các chế tài hạn chế kinh doanh.

- Bảo vệ trật tự kỉ cương của xã hội

Pháp luật phá sản giải quyết tình huống các chủ nợ tranh giành tài sản của con nợ, mâu thuẫn giữa các chủ nợ với nhau và chủ nợ với con nợ, tránh tình trạng lộn xộn, vô tổ chức. Pháp luật phá sản giúp các giữ hoà khí, giảm sự căng thẳng và mâu thuẫn giữa cá bên, khiến mọi việc diễn ra trật tự theo quy định của pháp luật.

## 2. Các vấn đề pháp lý cần lưu ý khi thực hiện thủ tục phá sản doanh nghiệp

### 2.1. Doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản

Phá sản là tình trạng của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán và bị Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố phá sản. Một doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán thì được xem là mất khả năng thanh toán và thuộc đối tượng được yêu cầu mở thủ tục phá sản.

## 2.2. Các đối tượng được quyền yêu cầu mở thủ tục phá sản

Các đối tượng sau đây được quyền yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán:

2.2.1 Chủ nợ không có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm một phần có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày khoản nợ đến hạn mà doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

2.2.2 Người lao động, công đoàn cơ sở, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở ở những nơi chưa thành lập công đoàn cơ sở có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày phải thực hiện nghĩa vụ trả lương, các khoản nợ khác đến hạn đối với người lao động mà doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

2.2.3 Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán.

2.2.4 Chủ doanh nghiệp tư nhân, Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty cổ phần, Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên hợp danh của công ty hợp danh có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp mất khả năng thanh toán.

2.2.5 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi công ty cổ phần mất khả năng thanh toán. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu dưới 20% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi công ty cổ phần mất khả năng thanh toán trong trường hợp Điều lệ công ty quy định.

2.2.6 Thành viên hợp tác xã hoặc người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mất khả năng thanh toán.

2.3. Chế tài đối với Người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản

Đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, Pháp luật cũng đưa ra các chế tài đối với Những người quản lý của doanh nghiệp, hợp tác xã như sau:

2.3.1 Người giữ chức vụ Chủ tịch, Tổng giám đốc, Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước bị tuyên bố phá sản không được đảm đương các chức vụ đó ở bất kỳ doanh nghiệp nhà nước nào kể từ ngày doanh nghiệp 100% vốn nhà nước bị tuyên bố phá sản.

2.3.2 Người đại diện phần vốn góp của Nhà nước ở doanh nghiệp có vốn nhà nước mà doanh nghiệp đó bị tuyên bố phá sản không được đảm đương các chức vụ quản lý ở bất kỳ doanh nghiệp nào có vốn của Nhà nước.

2.3.3 Người giữ chức vụ quản lý của doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản có thể bị Thẩm phán xem xét, quyết định về việc không được quyền thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, làm người quản lý doanh

hợp tác xã trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Tòa án nhân dân có quyết định tuyên bố phá sản do có cố ý vi phạm các quy định sau:

i. Không thực hiện yêu cầu của Thẩm phán, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật về phá sản;

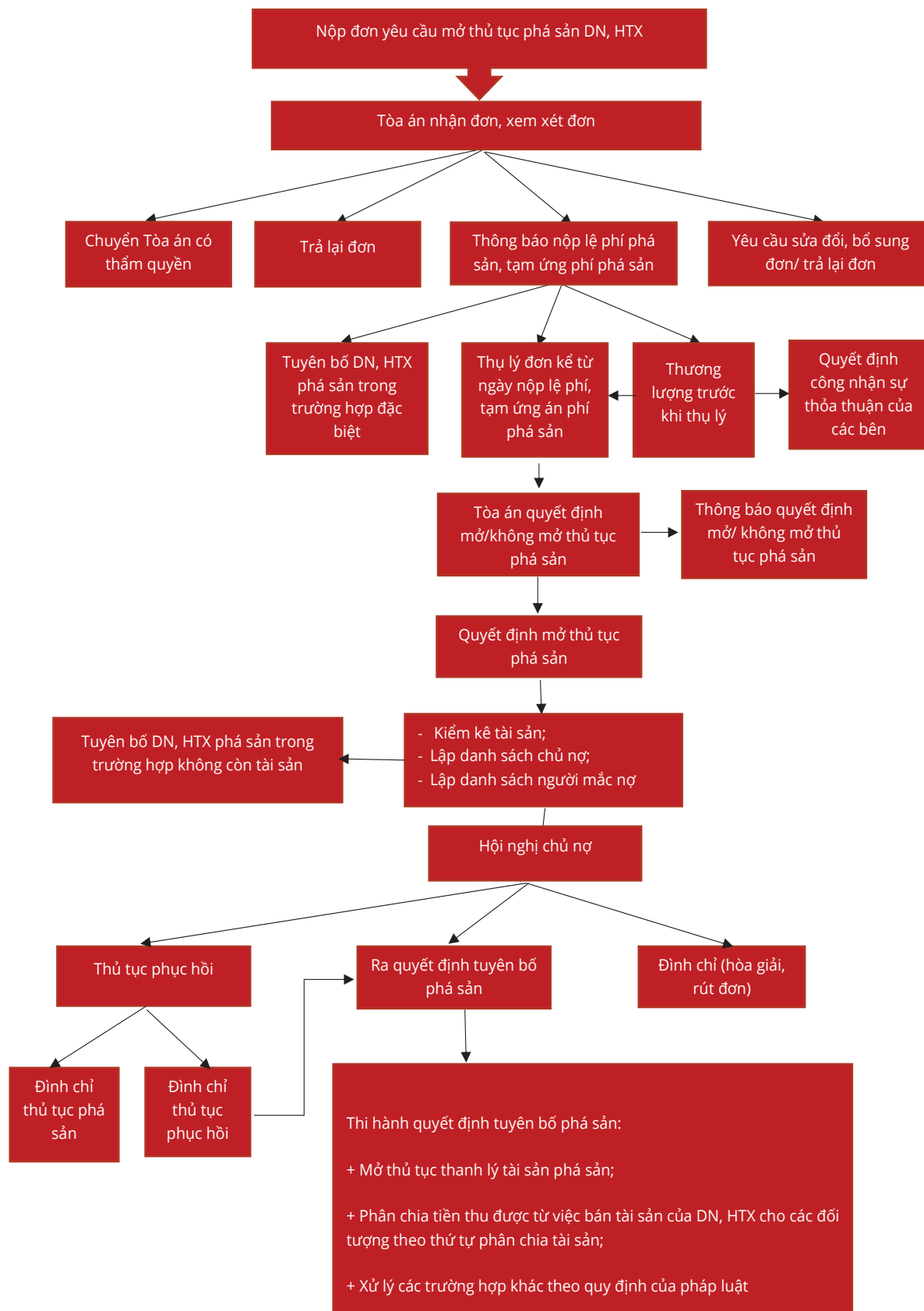
ii. Đối tượng được quyền yêu cầu mở thủ tục phá sản tại mục 3,4,5 trên không nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán không chịu trách nhiệm trước pháp luật và không bồi thường thiệt hại phát sinh sau thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán do việc không nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản gây ra.

iii. Doanh nghiệp, hợp tác xã không được phép thực hiện các hành vi sau sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản:

- Cất giấu, tẩu tán, tặng cho tài sản;
- Thanh toán khoản nợ không có bảo đảm, trừ khoản nợ không có bảo đảm phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản và trả lương cho người lao động trong doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Từ bỏ quyền đòi nợ;
- Chuyển khoản nợ không có bảo đảm thành nợ có bảo đảm hoặc có bảo đảm một phần bằng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

iv. Quy định tại các mục i, ii, iii trên không áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản với lý do bất khả kháng.

### 3. Quy trình giải quyết thủ tục phá sản



Liên hệ:

**Phạm Thị Thoa**

Luật sư thành viên

thoa.pham@apolatlegal.com

**Bùi Bích Phương**

Luật sư

phuong.bui@apolatlegal.com



Apolat Legal tự hào là một trong những công ty luật chuyên nghiệp tại Việt Nam có đủ khả năng cung cấp một loạt các dịch vụ chuyên nghiệp cho nhiều dự án của Khách Hàng tại Việt Nam. Chúng tôi đã có được nhiều kiến thức và kinh nghiệm thực tế quý giá trong việc tư vấn và hỗ trợ các khách hàng khác nhau liên quan việc vận hành và hoạt động của họ tại Việt Nam. Các Khách Hàng nổi bật và tiêu biểu của chúng tôi có thể kể đến là: Asus (Đài Loan); LG; Gemadept Vietnam, một công ty con của CJ Logistics (Hàn Quốc); CapitaLand; Mimosa Technology Co., Ltd (Singapore); Viet Trade Alliance; Central Group (Thái Lan); AEON (Nhật Bản); Vina Capital; Borden Company Limited (Singapore); The Body Shop (TBS); v.v. Chúng tôi tự tin rằng các dịch vụ pháp lý của chúng tôi sẽ hỗ trợ rất nhiều cho hoạt động kinh doanh của Khách Hàng tại Việt Nam.

Apolat Legal cũng đã vinh dự nhận được nhiều sự công nhận và/hoặc bài viết được đăng trên các tổ chức và ấn phẩm hàng đầu thế giới và trong nước bao gồm: Hiệp hội Luật châu Á và Thái Bình Dương (LawAsia, 1966), The Legal500, IP Link, IP Coster, Lexology, Global Trade Review (GTR), Thời Báo Kinh Tế Sài Gòn, v.v.

# **APOLAT LEGAL LAW FIRM**

[info@apolatlegal.com](mailto:info@apolatlegal.com)

(+84) 911357447

[www.apolatlegal.com](http://www.apolatlegal.com)

36A Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp.HCM